

MỤC LỤC

KHÁI QUÁT VỀ CUỘC KIỂM TOÁN	1
I. Thông tin cơ bản về chủ đề kiểm toán.....	1
1. Sự cần thiết phải tiến hành kiểm toán	1
2. Thông tin tổng quan	2
II. Mục tiêu, nội dung và tiêu chí kiểm toán.....	5
1. Mục tiêu kiểm toán.....	5
2. Nội dung kiểm toán	5
III. Phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán.....	6
IV. Phạm vi và giới hạn kiểm toán	7
1. Phạm vi kiểm toán.....	7
2. Giới hạn kiểm toán.....	7
V. Căn cứ kiểm toán.....	7
VI. Những phát hiện chủ yếu	8
KẾT QUẢ KIỂM TOÁN	9
I. Nội dung kiểm toán số 1: Hoạt động quản lý và xử lý nước thải tại KCN Khai Quang có đảm bảo tuân thủ pháp luật và các quy định của nhà nước hay không?	9
1. Công tác thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM, kế hoạch bảo vệ môi trường, cấp phép xả thải của Sở TNMT và công tác cấp phép đầu tư cho các doanh nghiệp trong KCN Khai Quang của BQLKCN có đảm bảo theo quy định của pháp luật.....	9
2. Công tác kiểm tra, giám sát, quan trắc của các cơ quan quản lý nhà nước và công tác ban hành văn bản, quy định... để đảm bảo các doanh nghiệp tuân thủ pháp luật về xử lý nước thải KCN	13
3. Sự phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn trong việc quản lý hoạt động xử lý nước thải tại KCN Khai Quang	17
II. Nội dung kiểm toán số 2: Đánh giá chất lượng nước thải của KCN Khai Quang xả thải ra môi trường có đảm bảo chất lượng theo quy định không và ảnh hưởng đến môi trường xung quanh thông qua chất lượng nước ngầm và nước bề mặt KCN và sự hài lòng của người dân sống xung quanh KCN.....	18
1. Đánh giá việc tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp trong KCN, Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc	18

2. Việc xây dựng và vận hành, xử lý nước thải tập trung của Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc để đảm bảo chất lượng nước thải đáp ứng yêu cầu theo quy định của chính quyền địa phương và tuân thủ ĐTM được phê duyệt. 21

3. Hoạt động quan trắc, báo cáo thông tin của Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc về chất lượng nước thải cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có đảm bảo quy định của pháp luật. 23

4. Chất lượng nước thải KCN thải ra môi trường loại có đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại cột A QCVN40:2011/BTNMT. 24

5. Chất lượng nước ngầm và nước bề mặt quanh khu công nghiệp có đảm bảo theo quy định của pháp luật. 25

6. Mức độ hài lòng của người dân sống xung quanh KCN đối với nước thải khu công nghiệp Khai Quang xả thải ra môi trường. 26

KIẾN NGHỊ 29

1. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc 29

2. Đối với Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc..... 30

3. Đối với Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc 31

4. Đối với UBND tỉnh Vĩnh Phúc 31

5. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường 32

CÁC PHỤ LỤC KIỂM TOÁN

Hà Nội, ngày tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP TẠI
KHU CÔNG NGHIỆP KHAI QUANG, TỈNH VĨNH PHÚC

Thực hiện Quyết định số 1783/QĐ-KTNN ngày 31/10/2016 của Tổng Kiểm toán nhà nước (KTNN) về việc kiểm toán Hoạt động quản lý và xử lý nước thải công nghiệp tại Khu công nghiệp Khai Quang, tỉnh Vĩnh Phúc, Đoàn Kiểm toán nhà nước đã tiến hành kiểm toán từ ngày 07/11/2016 đến ngày 06/12/2016.

Báo cáo kiểm toán được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán, các biên bản kiểm toán, báo cáo kết quả tư vấn về đánh giá chất lượng nước thải của đơn vị tư vấn và các tài liệu có liên quan.

PHẦN THỨ NHẤT

KHÁI QUÁT VỀ CUỘC KIỂM TOÁN

I. Thông tin cơ bản về chủ đề kiểm toán

1. Sự cần thiết phải tiến hành kiểm toán

Với sự phát triển kinh tế trong những năm gần đây, ô nhiễm môi trường ở nước ta có xu hướng gia tăng, đặc biệt là ô nhiễm nguồn nước tại các khu công nghiệp (KCN); công tác quản lý nước thải tại các KCN vẫn còn nhiều bất cập, vi phạm nghiêm trọng. Theo báo cáo công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường (BVMT) năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (TNMT) cho thấy cơ sở pháp lý, chế tài xử phạt đối với các loại hành vi gây ô nhiễm môi trường và các loại tội phạm về môi trường chưa đủ tính răn đe; các cấp chính quyền địa phương chưa nhận thức đầy đủ và quan tâm đúng mức đối với công tác BVMT, dẫn đến buông lỏng quản lý trong việc kiểm tra, giám sát; công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng đối với các cơ sở sản xuất vẫn mang tính hình thức và xử lý vi phạm chưa nghiêm; công tác thẩm định và đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư còn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế.

Khu công nghiệp Khai Quang, tỉnh Vĩnh Phúc có 81 doanh nghiệp đăng ký hoạt động (trong đó có 75 doanh nghiệp đang hoạt động, có xả thải), lượng nước thải công nghiệp thải ra môi trường hàng ngày từ các nhà máy, doanh nghiệp trong KCN khá lớn. Do đó, việc tiến hành kiểm toán hoạt động quản lý và xử lý nước thải KCN Khai Quang là cần thiết nhằm phát hiện những bất cập, hạn chế, vi phạm trong quản lý BVMT, qua đó, kiến nghị các giải pháp tăng cường cơ chế giám sát, kiểm tra nâng cao hiệu lực trong công tác BVMT, góp phần ngăn ngừa, giảm thiểu tình trạng ô nhiễm nguồn nước hiện nay trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng và ở nước ta nói chung.

2. Thông tin tổng quan

2.1. Về công tác quản lý nhà nước đối với nước thải công nghiệp tại KCN Khai Quang

a. Công tác thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), kế hoạch bảo vệ môi trường, xác nhận công trình hoàn thành của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc

Việc thẩm định, phê duyệt các hồ sơ, thủ tục môi trường đối với các doanh nghiệp thuộc KCN được phân cấp như sau: Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc (UBND) phê duyệt báo cáo ĐTM, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; Sở Tài nguyên và Môi trường (Sở TNMT) phê duyệt kế hoạch bảo vệ môi trường và xác nhận công trình hoàn thành đối với các công ty, dự án nằm trong KCN; UBND Thành phố Vĩnh Yên phê duyệt kế hoạch bảo vệ môi trường đơn giản.

Theo báo cáo của Chi cục Bảo vệ môi trường (BVMT), trong 81 doanh nghiệp trong KCN Khai Quang (trừ Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc), có 38 doanh nghiệp có hồ sơ môi trường do UBND tỉnh, Sở TNMT phê duyệt (trong đó có 29 Báo cáo ĐTM), các doanh nghiệp còn lại do UBND Thành phố Vĩnh Yên phê duyệt.

Trong giai đoạn 2015-2016, có 08 doanh nghiệp được phê duyệt ĐTM, 02 doanh nghiệp được xác nhận kế hoạch BVMT, 03 doanh nghiệp được xác nhận hồ sơ hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

b. Công tác cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước

Theo báo cáo của Phòng Tài nguyên nước thuộc Sở TNMT, đối với KCN Khai Quang, Sở TNMT cấp giấy phép xả thải cho Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc (Công ty CP PHTT Vĩnh Phúc) - là đơn vị thực hiện xử lý nước thải tập trung của toàn bộ KCN Khai Quang (cấp phép năm 2012) và Công ty

TNHH Shinwon Ebenezer (cấp phép năm 2015) - đơn vị được miễn trừ đầu nói¹ không xả thải vào khu xử lý nước thải tập trung của KCN. Việc cấp phép xả thải cho hai công ty này do Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện theo ủy quyền của UBND tỉnh Vĩnh Phúc, tuy nhiên, từ 30/6/2016, việc cấp phép xả thải trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc do UBND thực hiện mà không tiếp tục ủy quyền cho Sở TNMT về cấp phép xả thải vào nguồn nước.

Hồ sơ, thủ tục cấp phép xả thải cho Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc thực hiện theo quy định của Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT của Bộ TNMT, cho Công ty TNHH Shinwon Ebenezer căn cứ theo Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/05/2014 của Bộ TNMT về việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước và theo Quy trình thủ tục hành chính do UBND tỉnh quy định tại Quy trình số QT06/TTHC ngày 01/8/2014.

c. Công tác cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (GCNĐKĐT)

Ban quản lý các khu Công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc (BQLKCN) thực hiện công tác cấp GCNĐKĐT theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Đầu tư.

Năm 2016, BQLKCN đã tham mưu UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Công văn số 3305/UBND-NN5 ngày 25/5/2016 về việc giải quyết vướng mắc, tháo gỡ khó khăn đối với việc cấp GCNĐKĐT, cụ thể:

- Đối với những dự án không có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao: BQLKCN xem xét trình UBND tỉnh ra quyết định chủ trương đầu tư, cấp GCNĐKĐT theo Luật Đầu tư.

- Đối với các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao (sản xuất giấy, hóa chất, dệt có công đoạn nhuộm, xử lý tái chế chất thải, chế biến tinh bột, thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác chế biến khoáng sản...), BQLKCN phối hợp với Sở TNMT và các cơ quan liên quan thống nhất bằng văn bản trước khi trình UBND tỉnh ra quyết định chủ trương đầu tư, cấp GCNĐKĐT; đồng thời, nhà đầu tư phải có bản cam kết hoàn thành thủ tục ĐTM trước khi thực hiện chủ trương xin cấp giấy phép xây dựng.

¹ Công ty TNHH Shinwon Ebenezer là trường hợp được miễn trừ đầu nói theo quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 9, Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao. Công ty đã hoạt động trước khi KCN Khai Quang được thành lập, có hệ thống xử lý nước thải riêng. Bên cạnh đó, theo báo cáo số 16/BC-N&KTTV ngày 25/6/2014 của Phòng Tài Nguyên nước: Công ty không xả thải vào khu nước thải tập trung do chưa có trạm bơm của công ty hạ tầng bơm nước của công ty Shinwon vào hệ thống xử lý tập trung, việc lắp đặt thêm máy bơm gây ra chi phí bất hợp lý.

d. Công tác thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về BVMT KCN

Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về BVMT KCN bao gồm Sở TNMT (Chi cục BVMT, Thanh tra Sở), BQLKCN và Cảnh sát môi trường.

Đối với công tác thanh tra, kiểm tra do các đơn vị thuộc Sở TNMT thực hiện, Thanh tra Sở TNMT là đầu mối tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm của Sở để tránh chồng chéo. Năm 2015, Thanh tra Sở TNMT thực hiện kiểm tra 03 công ty, Chi cục BVMT thực hiện kiểm tra 09 công ty. Năm 2016, Thanh tra Sở TNMT thực hiện kiểm tra 08 công ty, Chi cục BVMT thực hiện kiểm tra 06 công ty.

Đối với BQLKCN, kế hoạch kiểm tra được xây dựng căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của BQLKCN. Năm 2015, BQLKCN xây dựng kế hoạch kiểm tra 11 cuộc, thực tế thực hiện 08 cuộc; năm 2016, xây dựng kế hoạch 15 cuộc, thực tế thực hiện 15 cuộc.

e. Công tác quan trắc, giám sát môi trường

Trạm quan trắc tự động về nước thải công nghiệp đặt tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung (Nhà máy XLNT) của KCN Khai Quang được Sở TNMT đầu tư, đưa vào sử dụng từ tháng 02/2013; từ tháng 6/2014, Trạm quan trắc được giao cho Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường quản lý (Trung Tâm QTTNMT). Trạm quan trắc tự động vận hành và truyền dữ liệu 24h/24h về Trung Tâm QTTNMT thuộc Sở TNMT với 06 thông số quan trắc cơ bản (pH, DO, TSS, COD, màu sắc, lưu lượng thải), Trung Tâm QTTNMT phân tích mẫu đối chứng 1 mẫu/tuần.

Trung Tâm QTTNMT đã thành lập tổ quan trắc tự động gồm 02 cán bộ để theo dõi vận hành trạm quan trắc tự động này. Năm 2015, Trung Tâm QTTNMT không lập báo cáo gửi về Chi cục BVMT, mà chỉ có số liệu dạng thô chưa được xử lý; Năm 2016, kết quả quan trắc được báo cáo về Chi cục BVMT theo định kỳ mỗi quý/lần.

2.2. Về công tác xử lý nước thải công nghiệp tại KCN Khai Quang

KCN Khai Quang chính thức được thành lập từ năm 2006 có tổng diện tích 216,24 ha (sau khi điều chỉnh nhiều lần) theo Quyết định số 67/2006/QĐ-UBND ngày 11/9/2006 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Công văn số 1315/TTg-CN ngày 28/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 5809/BKH-ĐT&GSĐT ngày 8/8/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Chủ đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật của KCN Khai Quang là Công ty CP

PTHT Vĩnh Phúc. Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Khai Quang, tỉnh Vĩnh Phúc" được Bộ TNMT phê duyệt theo Quyết định số 716/QĐ-BTNMT ngày 01/4/2008. Yêu cầu chất lượng nước thải đầu ra sau khi xử lý trước khi thải ra môi trường cam kết theo ĐTM được phê duyệt phải đạt tiêu chuẩn cột A- TCVN 5945-2005, theo quy định hiện nay là cột A QCVN 40:2011/BTNMT; Công ty đã được Sở TNMT cấp Giấy phép xả thải số 1171/GP-STNMT ngày 31/10/2012 với lưu lượng 4.000m³/ngày.đêm.

Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc đã xây dựng và vận hành Nhà máy XLNT cho KCN bao gồm 02 Module với tổng công suất 5.800 m³/ngày.đêm (Module 01 có công suất đạt 1.800 m³/ngày.đêm; Module 02 có công suất đạt 4.000 m³/ngày.đêm); sử dụng công nghệ xử lý nước thải hóa lý sinh kết hợp (*chi tiết phụ lục 03, 04/BCKT-KTMT: Hệ thống thu gom nước thải, thoát nước mưa và Quy trình xử lý nước thải*). Đến thời điểm kiểm toán, KCN Khai Quang có 75 công ty, doanh nghiệp đang hoạt động có xả thải.

II. Mục tiêu, nội dung và tiêu chí kiểm toán

1. Mục tiêu kiểm toán

Đánh giá hoạt động quản lý và xử lý nước thải công nghiệp tại KCN Khai Quang đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước về quản lý, xử lý nước thải; chất lượng nước thải xả thải ra môi trường có đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định và xem xét ảnh hưởng của việc xả thải đến môi trường xung quanh thông qua chất lượng nước ngầm, nước bề mặt KCN.

2. Nội dung kiểm toán

Hoạt động quản lý và xử lý nước thải tại KCN Khai Quang; chất lượng nước thải của KCN xả thải ra môi trường sau khi đã qua xử lý và việc ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, cụ thể:

2.1. Nội dung kiểm toán thứ nhất: Hoạt động quản lý và xử lý nước thải tại KCN Khai Quang có đảm bảo tuân thủ pháp luật và các quy định của nhà nước hay không?

- *Tiêu chí kiểm toán thứ 1:* Công tác thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM, kế hoạch bảo vệ môi trường, cấp phép xả thải và cấp phép đầu tư cho các doanh nghiệp trong KCN Khai Quang có đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- *Tiêu chí kiểm toán thứ 2:* Công tác ban hành văn bản, quy định..., công tác kiểm tra, giám sát, quan trắc của các cơ quan quản lý nhà nước để đảm bảo các doanh nghiệp tuân thủ pháp luật về xử lý nước thải KCN.

- *Tiêu chí kiểm toán thứ 3*: Sự phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn trong việc quản lý hoạt động xử lý nước thải tại KCN Khai Quang.

- *Tiêu chí kiểm toán thứ 4*: Các doanh nghiệp trong KCN, Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc có đảm bảo tuân thủ báo cáo ĐTM, kế hoạch bảo vệ môi trường, giấy phép xả thải, giấy phép đầu tư được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- *Tiêu chí kiểm toán thứ 5*: Hoạt động quan trắc, báo cáo thông tin của Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc về chất lượng nước thải cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có đảm bảo quy định của pháp luật.

2.2. Nội dung kiểm toán thứ hai: Chất lượng nước thải của KCN Khai Quang xả thải ra môi trường có đảm bảo chất lượng theo quy định không và ảnh hưởng của nó đến môi trường xung quanh thông qua chất lượng nước ngầm và nước bề mặt KCN và sự hài lòng của người dân sống xung quanh KCN?

- *Tiêu chí kiểm toán thứ 1*: Việc xây dựng và vận hành, xử lý nước thải tập trung của Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc để đảm bảo chất lượng nước thải đáp ứng yêu cầu theo quy định của chính quyền địa phương và tuân thủ ĐTM được phê duyệt.

- *Tiêu chí kiểm toán thứ 2*: Chất lượng nước thải Khu CN thải ra môi trường có đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại cột A QCVN 40:2011/BTNMT.

- *Tiêu chí kiểm toán thứ 3*: Chất lượng nước ngầm và nước bề mặt quanh khu công nghiệp có đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- *Tiêu chí kiểm toán thứ 4*: Mức độ hài lòng của người dân sống xung quanh khu công nghiệp đối với nước thải KCN Khai Quang xả thải ra môi trường.

III. Phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán

- Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, hệ thống chính sách, pháp luật, quy định của Nhà nước về BVMT, quản lý và xử lý nước thải công nghiệp; các văn bản chỉ đạo, điều hành về quản lý và xử lý nước thải công nghiệp;

- Thu thập, nghiên cứu các tài liệu liên quan đến tình hình thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý và xử lý nước thải công nghiệp; báo cáo số liệu quan trắc nước thải tại KCN;

- Phỏng vấn, trao đổi với các cán bộ được giao nhiệm vụ tại các cơ quan quản lý nhà nước, các cán bộ được giao nhiệm vụ quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tại KCN;

- Quan sát thực tế đối với công tác thu gom và xử lý nước thải tại KCN Khai Quang;

- Phối hợp với đơn vị tư vấn² hỗ trợ chuyên môn trong quá trình thực hiện kiểm toán. Kết quả làm việc của đơn vị tư vấn chủ yếu thể hiện ở Mục 2.2, Tiêu chí kiểm toán số 2, trang 14; Tiêu chí kiểm toán số 4, số 5, trang 24, 25 ;

- Phỏng vấn người dân sống xung quanh KCN để có thông tin về ảnh hưởng của nước thải KCN đối với đời sống người dân xung quanh;

- Phân tích các số liệu quan trắc để đánh giá chất lượng môi trường KCN cũng như đánh giá quy trình quan trắc có tuân theo quy định;

- Tra cứu, tham khảo các thông tin liên quan trên các phương tiện thông tin đại chúng.

IV. Phạm vi và giới hạn kiểm toán

1. Phạm vi kiểm toán

1.1. Thời kỳ được kiểm toán

Từ 01/01/2015 đến thời điểm kiểm toán và các thời kỳ trước sau có liên quan.

1.2. Đơn vị được kiểm toán

Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc, Ban Quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc và KCN Khai Quang – Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc (*Danh sách các đơn vị được kiểm toán tại Phụ lục số 01/BCKT-KTMT*).

2. Giới hạn kiểm toán

- Chỉ kiểm toán đối với nước thải công nghiệp, không kiểm toán đối với chất thải rắn, chất thải khí và chất thải lỏng động trong quá trình xử lý nước thải KCN;

- Không kiểm toán báo cáo tài chính của các đơn vị, không kiểm toán giá trị, hạng mục các công trình thu gom và xử lý nước thải của các đơn vị; trạm quan trắc;

- Đoàn kiểm toán kiểm tra trên cơ sở hồ sơ, tài liệu do các đơn vị cung cấp, không đối chiếu với các bên liên quan.

V. Căn cứ kiểm toán

- Luật Kiểm toán nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

- Hệ thống chuẩn mực kiểm toán, Quy trình kiểm toán, Quy chế Tổ chức và hoạt động Đoàn kiểm toán của Kiểm toán nhà nước;

² Trung tâm quan trắc môi trường - Tổng cục Môi trường lập báo cáo đánh giá kết quả quan trắc của Trạm quan trắc tự động (do Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý); lấy mẫu, xét nghiệm chất lượng nước thải, nước ngầm, nước bề mặt KCN để đánh giá chất lượng nước thải công nghiệp và ảnh hưởng của nước thải KCN Khai Quang đối với môi trường xung quanh (kết quả quan trắc chất lượng nước ngầm, nước mặt chỉ có thể kết luận mang tính tương đối do chất lượng nước ngầm, nước mặt xung quanh KCN có thể bị ảnh hưởng bởi những nhân tố khác);

- Biên bản kiểm toán được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán, biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của Kiểm toán viên, Báo cáo của đơn vị tư vấn.

VI. Những phát hiện chủ yếu

1. Sự không thống nhất giữa Luật Đầu tư và Luật BVMT về yêu cầu/quy định liên quan đến báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) khi cấp giấy phép đầu tư (Luật BVMT quy định ĐTM là một trong những căn cứ để cấp giấy chứng nhận đầu tư, trong khi Luật Đầu tư không quy định nội dung này). Việc này có thể tạo môi trường/cơ chế thu hút đầu tư nhưng quản lý lỏng lẻo về BVMT, không đúng quy định của Luật BVMT và tinh thần “không đánh đổi môi trường để phát triển kinh tế” mà Chính phủ đã đề ra sau các sự cố môi trường nghiêm trọng ở nước ta);

2. Chất lượng thẩm định, phê duyệt ĐTM của Sở TNMT còn hạn chế; công tác cấp phép xả thải không đúng quy định;

3. Phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước (Chi cục BVMT, Trung Tâm QTTNMT, BQLKCN) trong công tác quản lý nhà nước về môi trường KCN còn hạn chế, do đó giảm hiệu quả công tác quản lý nhà nước;

4. Công tác thanh tra, kiểm tra của Sở TNMT, BQLKCN chưa hiệu lực, chưa ngăn ngừa và xử lý triệt để đối với những sai phạm về xử lý nước thải của Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc và các doanh nghiệp trong KCN;

5. Hoạt động của trạm quan trắc tự động do Sở TNMT đầu tư lắp đặt tại KCN Khai Quang không hiệu quả, hiệu lực, kết quả quan trắc chưa phục vụ kịp thời cho công tác giám sát môi trường của Sở TNMT;

6. Chất lượng nước thải công nghiệp sau khi xử lý của KCN Khai Quang trong năm 2015, 2016 và chất lượng nước mặt, nước ngầm không đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định; một số doanh nghiệp trong KCN Khai Quang không ký hợp đồng xả thải vào hệ thống nước thải tập trung của KCN mà xả thải ra môi trường;

7. Công tác vận hành Nhà máy XLNT của KCN không tuân thủ đầy đủ quy định (Công ty không có hệ thống quan trắc tự động được lắp đặt theo quy định; không lắp đồng hồ đo nước tự động, nhật ký vận hành ghi sơ sài; chưa có xác nhận công trình BVMT hoàn thành...).

8. Kết quả phỏng vấn người dân sống xung quanh KCN Khai Quang cho thấy đa số người dân được phỏng vấn không hài lòng về chất lượng nước thải KCN Khai Quang.

PHẦN THỨ HAI

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

I. Nội dung kiểm toán số 1: Hoạt động quản lý và xử lý nước thải tại KCN Khai Quang có đảm bảo tuân thủ pháp luật và các quy định của nhà nước hay không?

1. Công tác thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM, kế hoạch bảo vệ môi trường, cấp phép xả thải của Sở TNMT và công tác cấp phép đầu tư cho các doanh nghiệp trong KCN Khai Quang của BQLKCN có đảm bảo theo quy định của pháp luật.

1.1. Công tác thẩm định và tham mưu phê duyệt báo cáo ĐTM, kế hoạch bảo vệ môi trường, xác nhận công trình hoàn thành.

Về cơ bản, thời gian thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, kế hoạch bảo vệ môi trường, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường được Sở TNMT thực hiện theo quy định; tuy nhiên, chất lượng thẩm định vẫn còn một số tồn tại, hạn chế sau:

- Hội đồng thẩm định (HĐTĐ) ĐTM được Sở TNMT tham mưu UBND tỉnh thành lập với nhiều thành viên từ các Sở, ngành khác nhau, UBND cấp huyện, đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn trình độ quy định, tuy nhiên, năng lực thẩm định của một số thành viên HĐTĐ còn chưa cao, dẫn đến công tác thẩm định còn chưa sâu và hạn chế về chất lượng³; nhiều thành viên HĐTĐ còn đưa ra ý kiến không rõ ràng, chưa phù hợp với thực tế trong “Bản nhận xét Báo cáo đánh giá tác động môi trường”, vì vậy không được cơ quan thường trực hội đồng tổng hợp ý kiến⁴, phản ánh/ghi nhận vào “Thông báo Kết quả thẩm định nội dung báo cáo Đánh giá tác động môi trường” để làm cơ sở chỉnh sửa, bổ sung; có trường hợp chủ đầu tư không chỉnh sửa nội dung ĐTM theo yêu cầu nhưng HĐTĐ vẫn trình UBND tỉnh phê duyệt ĐTM⁵;

³ (1) Trong ĐTM của Công ty TNHH Partrol Vina: Dung tích bể phốt mới chỉ đạt 85% lượng nước thải xả ra hàng ngày (232m³/272m³ ngày.đêm), chưa kê lượng nước thải cần phải lưu lại trong bể phốt để chờ phân hủy hết các hợp chất hữu cơ trước khi thải ra môi trường, tuy nhiên HĐTĐ không có ý kiến về nội dung này. (2) TNHH Jahwa Vina: Không có bể tách dầu mỡ trong khi công ty có số lượng công nhân lớn nhưng HĐTĐ không có ý kiến.

⁴ Hồ sơ thẩm định ĐTM của Công ty TNHH Partron Vina: Ý kiến của các Ủy viên Nguyễn Văn Nứa, Phan Quang Vinh, Nguyễn Thị Ngọc Phú (3/7 thành viên của HĐTĐ) không được tổng hợp.

⁵ Công ty TNHH Partron Vina: Chưa thuyết minh rõ ràng về quy trình công nghệ sản xuất của dự án đối với các nội dung: các quy trình công nghệ của từng nhà máy, thành phần, loại nguyên liệu, quá trình làm sạch, công nghệ làm sạch nguyên liệu; Chưa tiến hành đánh giá cụ thể về các biện pháp giảm thiểu đã áp dụng để đề xuất biện pháp giảm thiểu phù hợp đối với nước thải; Chưa bổ sung hiện trạng môi trường đất cho đúng với tiêu đề của Mục 2.1.4 (trang 48) Hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường đất, nước, không khí; Chưa chỉnh sửa lại trạng thái tồn tại của dung dịch tẩy rửa thải có thành phần nguy hại

- Chất lượng lập báo cáo ĐTM của các đơn vị tư vấn còn hạn chế, như sử dụng kết quả/số liệu quan trắc không phù hợp (số liệu cũ của các năm trước mà chưa cập nhật thông số đến thời điểm mới nhất khi lập ĐTM⁶); tư vấn xây dựng báo cáo ĐTM không sát với thực tế, có sự mâu thuẫn giữa thông tin trong ĐTM và Thuyết minh dự án đầu tư⁷.

1.2. Về công tác cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước

- Việc UBND tỉnh ủy quyền cho Sở TNMT cấp giấy phép xả thải cho Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc (năm 2012) và Công ty TNHH Shinwon Ebenezer (năm 2015) là không đúng quy định về thẩm quyền cấp phép quy định tại Khoản 2, Điều 28, Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước⁸. Do đó, ngày 30/6/2016, UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành Công văn số 4326/UBND-NN5 về việc không tiếp tục ủy quyền cho Sở TNMT cấp phép xả thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

- Phòng Tài nguyên nước thực hiện công tác thẩm định, tham mưu cho Sở TNMT cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước cho 02 Công ty TNHH Shinwon Ebenezer và Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc khi hồ sơ đề nghị cấp phép của 02 công ty này không đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định của Luật Tài nguyên nước, cụ thể:

+ Công ty TNHH Shinwon Ebenezer Việt Nam chưa thuyết minh lượng nước thải sinh hoạt, quy trình sản xuất và nguyên liệu đầu vào của quá trình sản xuất của 02 công ty thuê mặt bằng⁹ trong hồ sơ xin cấp giấy phép xả thải là không đúng quy định tại Khoản 3, Điều 9, Thông tư 27/2014/TT-BTNMT của Bộ TNMT.

+ Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc không phân tích chất lượng nước mặt tại khu vực xả thải ra môi trường trong hồ sơ xin cấp giấy phép xả thải là không đúng theo quy định tại Điểm b, Tiêu mục 2.4 của Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ TNMT quy định về hồ sơ đề nghị cấp giấy

⁶ Công ty TNHH Partron Vina : dùng kết quả quan trắc về khí hậu, khí tượng từ năm 2014, điều kiện thủy văn từ năm 2015, kết quả quan trắc nước thải từ tháng 06/2015 cho ĐTM trình thẩm định năm 2016 .

⁷ Công ty Orchem Vina: Trong đánh giá tác động môi trường giai đoạn xây dựng có phát sinh nước thải từ quá trình bảo dưỡng sửa chữa máy móc thiết bị nhưng không thấy có biện pháp thu gom. Trang 54 (ĐTM): Trên thực tế, công ty Orchem Vina thuê lại cơ sở vật chất từ một công ty thứ 3 nên không có giai đoạn này; Thông tin bảng 3.14/tr67 và 1.7/tr29 không khớp thông tin.

⁸ UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã ủy quyền cho Sở TNMT cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước theo Quyết định số 4422/QĐ-UBND ngày 16/12/2009 về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở TNMT cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước tuy nhiên, Luật Tài nguyên nước không có quy định cho phép UBND tỉnh ủy quyền cấp phép xả thải.

⁹ Công ty TNHH Bangsun Việt Nam và Công ty TNHH Thêu Sehwa thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Shinwon Ebenezer Việt Nam sử dụng hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Shinwon Ebenezer.

phép xả nước thải vào nguồn nước; Công ty sử dụng giá trị tiêu chuẩn tại cột B-QCVN 40:2011/BTNMT làm tiêu chuẩn so sánh để cấp phép xả thải là không đúng quy định do chất lượng nước thải sau khi xử lý của Công ty phải đạt yêu cầu loại A QCVN 40:2011/BTNMT.

1.3. Công tác cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

- Việc BQLKCN cấp GCNĐKĐT trước khi có quyết định phê duyệt ĐTM đối với 09 dự án, trong đó, 05 dự án mới¹⁰ và 04 dự án mở rộng¹¹ thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (ĐTM) là không đúng quy định của Luật BVMT do có sự không thống nhất giữa Luật BVMT và Luật Đầu tư về quy định liên quan đến ĐTM trong việc cấp GCNĐKĐT. Trong khi Luật BVMT quy định ĐTM là một trong những căn cứ để cơ quan quản lý cấp GCNĐKĐT (Điểm đ, Khoản 2, Điều 25), thì Luật Đầu tư không quy định nội dung này. Việc tạo điều kiện cấp GCNĐKĐT trước khi hoàn thiện ĐTM có thể tạo môi trường, cơ chế thu hút đầu tư nhưng quản lý lỏng lẻo về BVMT, không đúng quy định của Luật BVMT và tinh thần “không đánh đổi môi trường để phát triển kinh tế” mà Chính phủ đã đề ra sau các sự cố môi trường nghiêm trọng ở nước ta.

- Một số dự án được cấp GCNĐKĐT có nội dung đánh giá tác động môi trường còn sơ sài, chưa đảm bảo đầy đủ nội dung¹²; còn có hiện tượng sao chép đánh giá tác động kinh tế - xã hội, đánh giá tác động môi trường giữa các dự án¹³ có sự khác nhau về ngành nghề và sản phẩm đầu ra theo đăng ký kinh doanh. Nguyên nhân là do phòng Quản lý đầu tư - BQLKCN chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao đối với nhiệm vụ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án đầu tư khi cấp GCNĐKĐT (chưa chú trọng chất lượng nội dung đánh giá tác động môi trường của dự án do nhà đầu tư đề xuất). Đồng thời chưa có sự phân công phối hợp giữa các phòng trực thuộc BQLKCN¹⁴.

¹⁰ Dự án nhà máy Ahuyntech Vina Việt Nam; Dự án sản xuất gia công linh kiện điện tử/Công ty TNHH Orchem vina; Dự án nhà máy GSR Vina; Dự án nhà máy Top Intercube Vina; Dự án nhà máy Jinyoung HNS Vina.

¹¹ Dự án nhà máy sản xuất linh kiện điện tử Vĩnh Phúc/Công ty TNHH Nanotech Vina; Nhà máy Haesung Vĩnh Phúc; Dự án nhà máy sản xuất linh kiện điện tử BH Vina (nay là DKT Vina); Dự án nhà máy sản xuất linh kiện điện tử BHFlex Vina

¹² Nội dung đánh giá tác động môi trường trong Hồ sơ đề xuất dự án đầu tư của Công ty Cổ phần DAE YOU DECAL VINA; Công ty TNHH NANOTECH VINA, chưa đảm bảo đầy đủ nội dung (như các tác động chính của dự án ảnh hưởng tới môi trường thiên nhiên (không khí, nước và đất), sức khỏe của con người và an toàn môi trường (cho từng giai đoạn: chuẩn bị dự án, thực hiện dự án, vận hành khai thác công trình dự án.)

¹³ Công ty GSR VINA (sản xuất, gia công các loại khuôn đế khuôn kim loại với công suất 10 tấn/ năm- thuộc ngành Đúc kim loại màu mã ngành 2432) và Công ty TNHH JINYOUNG HNS VINA (phun sơn khuôn khay và các linh kiện- điện tử khác công suất 1 triệu sp/năm- thuộc ngành gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại- mã ngành 2592).

¹⁴ Giữa phòng Quản lý đầu tư và phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - là phòng chuyên môn có chức năng tham mưu về lĩnh vực môi trường KCN

- Việc tham gia vào công tác quản lý môi trường KCN của BQLKCN còn hạn chế, cụ thể: BQLKCN chưa thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ quản lý môi trường KCN như tổ chức thẩm định, phê duyệt ĐTM, đề án bảo vệ môi trường, tổ chức kiểm tra, xác nhận công trình bảo vệ môi trường của các dự án trong KCN Khai Quang¹⁵. Nguyên nhân là do UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã giao chức năng, nhiệm vụ cho BQLKCN nhưng chưa ủy quyền cho BQLKCN thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ trên (hiện nay Chi cục BVMT thuộc Sở TNMT đang thực hiện). Đồng thời, theo báo cáo của đơn vị, BQLKCN chưa đáp ứng đủ năng lực chuyên môn về môi trường để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ theo yêu cầu, cũng như chưa được cấp nguồn tài chính (kinh phí sự nghiệp môi trường) tương ứng.

Theo quy định của Thông tư 06 và Thông tư 27 nêu trên, BQLKCN có chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với KCN về nhiều lĩnh vực, trong đó có vấn đề môi trường. Việc quy định chức năng, nhiệm vụ của BQLKCN theo Thông tư 06 và Thông tư 27 nhằm tăng cường vai trò, trách nhiệm trực tiếp của BQLKCN trong quản lý môi trường KCN. Do đó, việc UBND tỉnh Vĩnh Phúc chưa ủy quyền cho BQLKCN thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về môi trường cho thấy quản lý môi trường KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc chưa gắn được trách nhiệm và quyền hạn của BQLKCN về bảo vệ môi trường KCN, dẫn đến BQLKCN chưa sát sao trong công tác BVMT KCN, trong khi BQLKCN là cơ quan quản lý trực tiếp, nắm rõ thông tin của từng doanh nghiệp, dự án trong KCN từ khi cấp GCNĐKĐT, điều này có thể làm giảm hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

- Việc đánh giá, phân loại đối với một số dự án có nguy cơ ô nhiễm môi trường của BQLKCN còn chưa chặt chẽ, không phối hợp với Sở TNMT và đơn vị liên quan, dẫn đến thiếu cơ sở để chứng minh dự án không có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao¹⁶ để làm căn cứ cấp GCNĐKĐT theo Công văn số 3305/UBND-NN5 ngày 25/5/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc giải quyết một số vướng mắc trong cấp GCNĐKĐT, quyết định chủ trương đầu tư các dự

¹⁵ Theo quy định tại Quyết định số 04/2016/UBND ngày 20/01/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc quy định chức năng, nhiệm vụ của BQLKCN, Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BKHĐT-BNV (Thông tư 06) của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của BQLKCN, khu chế xuất, khu kinh tế và Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 (Thông tư 27) của Bộ TNMT về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch BVMT.

¹⁶ Dự án nâng mở rộng, nâng công suất của Công ty TNHH BHFlex Vina: Hồ sơ đề xuất dự án đầu tư không thực hiện đánh giá tác động môi trường theo Mẫu I.2 Đề xuất dự án đầu tư tại Thông tư 16/2015/TT-BKHĐT, trong mục giải trình về công nghệ thực hiện dự án đầu tư cho thấy trong quy trình sản xuất có giai đoạn mạ đồng, mạ Ni-vàng và công đoạn in có khả năng phát sinh các chất thải nguy hại, có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao.

án đầu tư trực tiếp vào KCN.

Kết luận: Chất lượng công tác thẩm định, phê duyệt ĐTM, kế hoạch BVMT đối với một số dự án còn hạn chế; việc ủy quyền và cấp phép xả thải cho 02 doanh nghiệp không đúng quy định; vai trò và trách nhiệm của BQLKCN trong việc quản lý môi trường KCN còn hạn chế; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không tuân thủ quy định của Luật BVMT do có sự không thống nhất giữa Luật Đầu tư và Luật BVMT.

2. Công tác kiểm tra, giám sát, quan trắc của các cơ quan quản lý nhà nước và công tác ban hành văn bản, quy định... để đảm bảo các doanh nghiệp tuân thủ pháp luật về xử lý nước thải KCN

2.1. Công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước

Về cơ bản, công tác kiểm tra việc BVMT của các doanh nghiệp đang hoạt động trong KCN Khai Quang trong năm 2015, 2016 của các cơ quan quản lý nhà nước đã phát hiện một số vi phạm về môi trường nói chung và về hoạt động xử lý nước thải nói riêng, qua đó, kiến nghị xử lý đối với các doanh nghiệp. Tuy nhiên, công tác kiểm tra, giám sát vẫn còn một số tồn tại như sau:

- Sở TNMT, BQLKCN không có hướng dẫn cụ thể trong việc xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng năm như xây dựng tiêu chí lựa chọn đơn vị được kiểm tra, lĩnh vực kiểm tra cần quan tâm trên cơ sở những sai phạm thường xảy ra hay các đơn vị không nghiêm túc thực hiện luật BVMT. Do đó, việc lựa chọn các đơn vị được kiểm tra không dựa trên các tiêu chí, định hướng cụ thể mà được thực hiện ngẫu nhiên đã làm giảm hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát. Mặt khác, trong quá trình thực hiện còn thay đổi nhiều so với kế hoạch ban đầu như bổ sung hay giảm bớt một số đơn vị dự kiến kiểm tra¹⁷ trong kế hoạch, việc thực hiện kiểm tra đột xuất một số doanh nghiệp¹⁸ hoặc lý do thay đổi kế hoạch không có bằng chứng bằng văn bản về việc thay đổi kế hoạch.

- Về chất lượng kiểm tra chưa cao, việc xử lý kết quả kiểm tra chưa triệt để, cụ thể: một số biên bản kiểm tra chưa phản ánh cụ thể, đầy đủ các thông tin¹⁹ về đơn vị được kiểm tra hoặc sử dụng các thông tin do đơn vị cung cấp không chính xác nhưng không phát hiện và kiểm chứng²⁰ lại; việc xử lý kết quả kiểm

¹⁷ BQLKCN: Có 04/11 doanh nghiệp tại Kế hoạch kiểm tra năm 2015 có trong Quyết định kiểm tra; Có 11/15 doanh nghiệp tại Kế hoạch kiểm tra năm 2016 có trong Quyết định kiểm tra.

¹⁸ Chi cục BVMT: Công ty CN chính xác VN1 và Công ty TNHH Shinwon Ebenezer (năm 2015)

¹⁹ Chi cục BVMT: Biên bản kiểm tra các Công ty TNHH Công nghệ Cosmos; Công ty TNHH Exedy; Công ty Sindoh Vina: chưa ghi cụ thể thông tin về chất thải nguy hại lưu trữ tại công ty

²⁰ BQLKCN: Công ty TNHH HJC Vina, Công ty TNHH Diamond, Công ty BHFlex Vina: tính toán lượng nước thải đầu ra dựa trên lượng nước tiêu thụ không chính xác theo Điểm b, Khoản 2, Điều 39 của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải.

tra chưa đầy đủ như Đoàn kiểm tra của Chi cục BVMT tại Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc có phát hiện một số sai phạm²¹ về chất lượng nước thải sau xử lý vượt tiêu chuẩn giới hạn tại cột A theo quy định của QCVN 40:2011/BTNMT nhưng chưa đề nghị đơn vị thực hiện các biện pháp khắc phục, dẫn đến các sai phạm này vẫn tiếp tục diễn ra²²; việc lấy mẫu, phân tích chất lượng nước thải sau xử lý phục vụ quá trình kiểm tra còn có sự sai sót về tính toán, dẫn đến kết quả phân tích không được sử dụng làm cơ sở để kiến nghị đơn vị²³.

- Về hiệu lực của công tác kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý tại địa phương chưa hiệu quả, hiệu lực, chưa phát hiện triệt để và ngăn chặn kịp thời các vi phạm về xử lý nước thải do chưa có cơ chế, quy trình, quy định cụ thể về việc theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các kiến nghị đối với các doanh nghiệp vi phạm, chủ yếu dựa vào báo cáo khắc phục của các doanh nghiệp, do đó còn có hiện tượng doanh nghiệp khắc phục mang tính chất đối phó và không triệt để²⁴. Hiệu lực công tác kiểm tra, giám sát hạn chế dẫn đến KCN còn xả thải vượt so với giấy phép xả thải, một số doanh nghiệp thứ cấp trong KCN không thực hiện đầu nối xả thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung mà thải vào hệ thống nước mưa hay thải trực tiếp ra môi trường (ao tù) nhưng không được các cơ quan quản lý nhà nước phát hiện, xử lý.

2.2. Công tác quan trắc và sử dụng kết quả quan trắc trong quản lý nước thải tại KCN Khai Quang của cơ quan quản lý nhà nước

Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc đầu tư thí điểm trạm quan trắc tự động tại điểm xả thải đầu ra của KCN Khai Quang và giao cho Trung Tâm QTTNMT quản lý để phục vụ cho công tác giám sát chất lượng nước thải của KCN Khai Quang. Tuy nhiên, kết quả quan trắc thực tế đã không được Sở TNMT sử dụng một cách hiệu quả để cảnh báo, ngăn ngừa và xử lý hiện tượng nước thải ra môi trường không đạt tiêu chuẩn chất lượng của KCN Khai Quang, cụ thể:

²¹ Chi cục BVMT: Kết quả phân tích chất lượng nước thải đầu ra của Nhà máy xử lý nước thải tập trung - Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc (từ ngày 03/4 – 09/4/2015) cho thấy có 05 chỉ tiêu không đạt tiêu chuẩn với Giá trị tới hạn (Cột A) theo QCVN 40:2011/BTNMT Độ pH = 4,3 (6 đến 9); BOD5 = 23,53 (>19,8); TSS = 87 (>33); Amoni = 4,604 (>3,3) và Tổng Coliform = 7.000 (>3.000).

²² Kết quả phân tích chất lượng nước thải đầu ra tại báo cáo giám sát môi trường 6 tháng đầu năm 2015 của Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc cho thấy có 04 chỉ tiêu (trong đó có 03 chỉ tiêu chưa được kiến nghị xử lý tại Biên bản kiểm tra ngày 03/4/2015) tiếp tục vượt quá giá trị tới hạn cho phép (Cột A): TSS = 42 (>30); BOD5 = 40,34 (>18); COD = 73,7 (>45); Amoni = 5,44 (>3)

²³ Chi cục BVMT: Áp dụng sai lưu lượng xả thải của công ty: 198 m³/ngày.đêm so với thực tế là 4.000 m³/ngày.đêm

²⁴ Chi cục BVMT: Công ty Print Vina: việc khắc phục đối với chất thải nguy hại; Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc: theo báo cáo đã khắc phục tình trạng nước thải của Công ty TNHH Công nghiệp chính xác Việt Nam I chảy ra mương thoát nước mưa của đoàn kiểm tra trước tuy nhiên thực tế khi kiểm tra năm 2015 thì vẫn phát hiện còn hiện tượng này.

- Trạm quan trắc tự động được bàn giao, đưa vào sử dụng từ tháng 2/2013 nhưng đến năm 2016 số liệu quan trắc tự động mới được chuyển thành dạng báo cáo phục vụ cho công tác quản lý. Quy trình vận hành và truyền dữ liệu của Trạm không nêu cách thức phát hiện ngay lập tức khi có thông số đo vượt quy định, kết quả thu được chỉ được tổng hợp thành báo cáo định kỳ hàng quý/lần là chưa kịp thời.

- Mặc dù số liệu từ trạm quan trắc tự động²⁵ và kết quả phân tích mẫu đối chứng²⁶ đã chỉ ra các chỉ tiêu chất lượng nước thải đầu ra của KCN Khai Quang trong năm 2016 liên tục vượt ngưỡng cho phép tại QCVN 40:2011/BTNMT nhưng Trung Tâm QTTNMT không thông báo cho Chi cục BVMT để có biện pháp xử lý và chấn chỉnh hoạt động xử lý nước thải, xả thải của KCN Khai Quang. Trong khi Sở TNMT chưa ban hành quy định về trao đổi thông tin, cơ chế phối hợp giữa Trung Tâm QTTNMT và Chi cục BVMT, việc Trung Tâm QTTNMT không chủ động thông báo với Chi cục BVMT về chất lượng nước thải đầu ra của KCN Khai Quang để Chi Cục BVMT có biện pháp xử lý đối với KCN Khai Quang là đã làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, giám sát môi trường, trách nhiệm này thuộc về Sở TNMT, Trung Tâm QTTNMT, Chi cục BVMT.

- Qua phân tích Báo cáo vận hành và số liệu năm 2016 cho thấy Trạm quan trắc tự động hoạt động không ổn định và kết quả quan trắc không chính xác, cụ thể: Kết quả phân tích mẫu đối chứng tại phòng thí nghiệm Trung Tâm QTTNMT chênh lệch rất lớn²⁷ với kết quả của Trạm quan trắc; tỷ lệ số liệu không hợp lệ bị loại bỏ trong năm 2016 của Trạm quan trắc tự động lên đến 49%²⁸. Mặc dù tỉ lệ số liệu không hợp lệ lớn và xảy ra thường xuyên nhưng Trung Tâm QTTNMT không xác định các nguyên nhân và có biện pháp khắc phục. Một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng này là do các

²⁵ Báo cáo quan trắc của 3 quý năm 2016 cho thấy các giá trị đo COD (nhu cầu ô xy hóa học) trong cả 3 quý luôn cao hơn giá trị cho phép (so sánh với quy chuẩn là 45 mg/l và với Cmax là 27 mg/l), chỉ tiêu pH có hơn 50% nằm ngoài khoảng cho phép (pH 6-9), phần lớn giá trị đo được nằm dưới pH = 6 gây môi trường axit. Kết quả này cho thấy chất lượng nước thải đầu ra của Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Khai Quang chưa đảm bảo chất lượng theo Tiêu chuẩn cột A QCVN 40:2011/BTNMT.

²⁶ Năm 2015: khoảng 60% giá trị đo pH nằm ngoài khoảng cho phép (6-9); 80% giá trị đo COD lớn hơn giá trị cho phép 45 mg/l và 40% giá trị đo tổng chất rắn TSS lớn hơn giá trị cho phép 30 mg/l;

Năm 2016: đối với chỉ số COD, hơn 50% giá trị đo cho kết quả vượt ngưỡng quy định (45 mg/l).

Các chỉ số phân tích pH, COD và TSS của Trung tâm đều đã được đánh giá và được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp chứng nhận đủ điều kiện, năng lực hoạt động quan trắc môi trường (VIMCERTS 028).

²⁷ Thông số TSS tháng 9/2016 trung bình của trạm là 450mg/lít, trong khi mẫu đối chứng là 30mg/lít; thông số COD tháng 9/2016 trung bình tại trạm là 85mg/lít, trong khi mẫu đối chứng là 30mg/lít; thông số trung bình tại các thời điểm đo độ pH đều thấp hơn mẫu đối chứng trung bình tại trạm là 3,5 trong khi mẫu đối chứng là 6,2.

²⁸ Theo báo cáo 3 quý đầu năm 2016, số liệu bất thường bị loại bỏ khỏi bảng số liệu quan trắc trong các quý là: Q1/2016 là: 40,8%; Q2/2016 là: 26,5%; Q3/2016 là: 48,9%.

đầu đo (sensor) của Trạm quan trắc sau khi lắp đặt và đi vào hoạt động trong thời gian 02 năm nhưng chưa được cơ quan quản lý tiến hành hiệu chỉnh theo chu kỳ kiểm định cho các phương tiện đo hóa lý (12 tháng) quy định tại Thông tư số 23/2013/TT-BKHHCN ngày 26/9/2013 về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2. Mặt khác, Trung Tâm QTTNMT không có các tiêu chí thống nhất và rõ ràng để nhận diện các số liệu bất thường, điều này có thể dẫn tới trường hợp nước thải có lúc không đạt chuẩn nhưng số liệu đo tại thời điểm đó lại bị loại bỏ do hiểu nhầm là không hợp lệ.

Kết luận: Việc đầu tư và vận hành Trạm quan trắc tự động tại KCN Khai Quang không đạt được hiệu quả, hiệu lực mong muốn.

2.3. Công tác ban hành văn bản, quy định, hướng dẫn... các doanh nghiệp tuân thủ pháp luật về quản lý và xử lý nước thải KCN

Về cơ bản, các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường đã ban hành một số văn bản hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của các doanh nghiệp về vấn đề môi trường, yêu cầu các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN và các doanh nghiệp hoạt động trong KCN cần cập nhật đầy đủ các văn bản pháp quy về bảo vệ môi trường và thực hiện nghiêm túc báo cáo định kỳ các kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường của đơn vị, tổng hợp, báo cáo kết quả quan trắc môi trường và công tác bảo vệ môi trường KCN định kỳ.

Về công tác tuyên truyền, các cơ quan quản lý đã tổ chức tuyên truyền pháp luật về BVMT thông qua các hoạt động như tổ chức các hoạt động hưởng ứng các sự kiện môi trường, tổ chức lớp bồi dưỡng kỹ năng truyền thông cho các tuyên truyền viên trên địa bàn tỉnh, hiện nay đang triển khai xây dựng sổ tay hướng dẫn công tác quản lý môi trường cho cán bộ quản lý doanh nghiệp.

Kết luận: Nhiều cơ quan quản lý nước (Chi cục BVMT, BQLKCN, Thanh tra Sở TNMT) có chức năng và thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật về BVMT KCN nói chung và xử lý nước thải nói riêng đối với KCN Khai Quang. Tuy nhiên, hiệu quả, hiệu lực của công tác kiểm tra, giám sát chưa cao, chưa ngăn chặn được tình trạng vi phạm luật BVMT KCN, chưa đảm bảo được chất lượng nước thải của KCN xả thải ra môi trường đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn loại A QCVN 40:2011/BTNMT; việc Sở TNMT tỉnh Vĩnh Phúc đầu tư thí điểm trạm quan trắc tự động tại điểm xả thải đầu ra của KCN Khai Quang không hiệu quả, hiệu lực để cảnh báo kịp thời, ngăn ngừa hiện tượng xả thải ra môi trường không đạt tiêu chuẩn chất lượng của Công ty CP PHTT Vĩnh Phúc.

3. Sự phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn trong việc quản lý hoạt động xử lý nước thải tại KCN Khai Quang

3.1. Công tác phối hợp của các cơ quan trong công tác thanh tra, kiểm tra

- Chưa có sự trao đổi thông tin giữa Sở TNMT và BQLKCN về việc lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra, kết luận thanh tra, kiểm tra dẫn đến kế hoạch kiểm tra còn chồng chéo, trùng lặp đơn vị được kiểm tra²⁹, phải tiến hành rà soát, điều chỉnh lại.

- Việc không chia sẻ thông tin về kết luận kiểm tra, thanh tra dẫn đến rủi ro các cơ quan quản lý nhà nước không có thông tin về tình hình vi phạm của các doanh nghiệp để có biện pháp ngăn ngừa hạn chế sai phạm.

3.2. Công tác phối hợp giữa BQLKCN và các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trong cấp GCNĐKĐT

- Công tác phối hợp giữa BQLKCN và các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trong cấp GCNĐKĐT còn hạn chế như: Một số hồ sơ đề xuất dự án đầu tư tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường³⁰ hoặc chưa đầy đủ cơ sở để phân loại dự án³¹ theo yêu cầu tại Công văn số 3305/UBND-NN5 của UBND tỉnh nhưng BQLKCN không phối hợp với Sở TNMT và các cơ quan liên quan để đảm bảo phân loại nguy cơ ô nhiễm môi trường đối với các dự án đề xuất đúng quy định để triển khai các thủ tục cấp phép đầu tư phù hợp và áp dụng biện pháp bảo vệ môi trường khi dự án đi vào hoạt động.

- BQLKCN và các Sở, ngành liên quan chưa có biện pháp kiểm tra, phối hợp chặt chẽ nhằm giám sát hiệu quả việc thực hiện cam kết của nhà đầu tư về thực hiện đánh giá tác động môi trường sau khi được cấp GCNĐKĐT, do đó còn trường hợp chủ đầu tư³² không thực hiện đúng cam kết về thực hiện ĐTM tại hồ sơ đề xuất dự án đầu tư, không thực hiện đúng yêu cầu của UBND tỉnh tại Công

²⁹ Năm 2015: Sở TNMT và BQL trùng 02 doanh nghiệp (Công ty TNHH Mỹ phẩm Marado: trùng giữa BQL và Thanh tra Sở; Công ty Seoul Print Vina: trùng giữa Chi cục BVMT và Ban Quản lý các KCN). Năm 2016: Có 04 doanh nghiệp bị trùng trong kế hoạch kiểm tra giữa BQL và Sở: Thanh tra Sở và Ban Quản lý trùng 02 doanh nghiệp (Công ty Daewoo Apparel VN; Công ty TNHH Hirota Precision VN); Chi cục BVMT và Ban Quản lý trùng 2 doanh nghiệp (Công ty TNHH BH Flex Vina, Công ty TNHH Exedy).

³⁰ Công ty TNHH Ahuyntech Vina; Công ty TNHH Orchem Vina; Công ty TNHH BHFlex Vina có quá trình mạ, in có khả năng phát sinh các chất gây ô nhiễm môi trường (mã CTNH07) căn cứ theo Phụ lục 04, Thông tư 04/2012/TT-BTNMT ngày 08/5/2012 quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 về quản lý chất thải nguy hại.

³¹ Công ty TNHH BHFlex Vina chưa thực hiện đánh giá tác động môi trường trong Hồ sơ đề xuất dự án đầu tư.

³² Công ty TNHH BH Vina (nay là Công ty TNHH DKT Vina): Chủ đầu tư đã thực hiện mở rộng quy mô, nâng công suất ngay sau khi được cấp GCNĐKĐT chỉnh sửa, trong khi ĐTM của dự án mở rộng đang trong giai đoạn thẩm định.

Công ty JINYOUNG HNS VINA: Chủ đầu tư cam kết hoàn thiện ĐTM trước khi tiến hành xây dựng; tại Công văn 3305/UBND-NN5, UBND tỉnh yêu cầu chủ đầu tư cam kết hoàn thiện thủ tục ĐTM trước khi xin giấy phép xây dựng, tuy nhiên, đến thời điểm kiểm toán, ĐTM của Dự án chưa được phê duyệt, nhưng Sở Xây dựng đã cấp phép xây dựng cho chủ đầu tư, hiện nay đơn vị đã gần hoàn thành việc xây dựng nhà máy (dự kiến 10/11/2016).

văn số 3305/UBND-NN5; một số dự án đã đi vào hoạt động nhưng đến nay vẫn chưa có ĐTM, kế hoạch BVMT được phê duyệt³³ là vi phạm Khoản 2, Điều 19, Luật Bảo vệ môi trường.

Kết luận: Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường chưa được thực hiện đầy đủ theo Quy chế phối hợp trong việc quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc ban hành tại Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 22/4/2014 của UBND; việc trao đổi thông tin giữa các bên còn thiếu hiệu quả trong các khâu từ khi doanh nghiệp nộp hồ sơ đề xuất dự án đầu tư đến khi được phê duyệt ĐTM và đi vào hoạt động, doanh nghiệp không thực hiện cam kết và không tuân thủ quy định về môi trường.

Kết luận nội dung kiểm toán thứ nhất: Hoạt động quản lý nhà nước về nước thải tại KCN Khai Quang cơ bản đảm bảo tuân thủ pháp luật về đầu tư kinh doanh và các quy định liên quan. Tuy nhiên, còn nhiều hạn chế, bất cập trong các khâu từ thẩm định - phê duyệt ĐTM, cấp phép đầu tư, quan trắc, kiểm tra, giám sát, phối hợp trong công tác BVMT KCN, chưa tuân thủ đầy đủ Luật BVMT... Những hạn chế đã làm giảm tính hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về nước thải công nghiệp, chưa ngăn chặn, xử lý một số vi phạm của đơn vị đầu tư hạ tầng KCN và các doanh nghiệp trong KCN, ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường vẫn tồn tại. Nguyên nhân chủ yếu là do các cơ quan quản lý về môi trường KCN chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình trong công tác quản lý, chưa có sự phối hợp, trao đổi thông tin hiệu quả; còn có sự không thống nhất giữa Luật Đầu tư và Luật Bảo vệ môi trường trong khâu cấp GCNĐKĐT.

II. Nội dung kiểm toán số 2: Đánh giá chất lượng nước thải của KCN Khai Quang xả thải ra môi trường có đảm bảo chất lượng theo quy định không và ảnh hưởng đến môi trường xung quanh thông qua chất lượng nước ngầm và nước bề mặt KCN và sự hài lòng của người dân sống xung quanh KCN.

1. Đánh giá việc tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp trong KCN, Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc

1.1. Việc tuân thủ báo cáo ĐTM, giấy phép xả thải của Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc

Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc đã xả thải vượt mức so với Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1171/GP-STNMT được Sở TNMT cấp ngày 31/10/2012.

³³ Dự án Nhà máy HAESUNG – Vĩnh Phúc (GCNĐKĐT được cấp ngày 30/11/2015) và Công ty TNHH Top Intercube Vina (GCNĐKĐT được cấp ngày 19/04/2016)

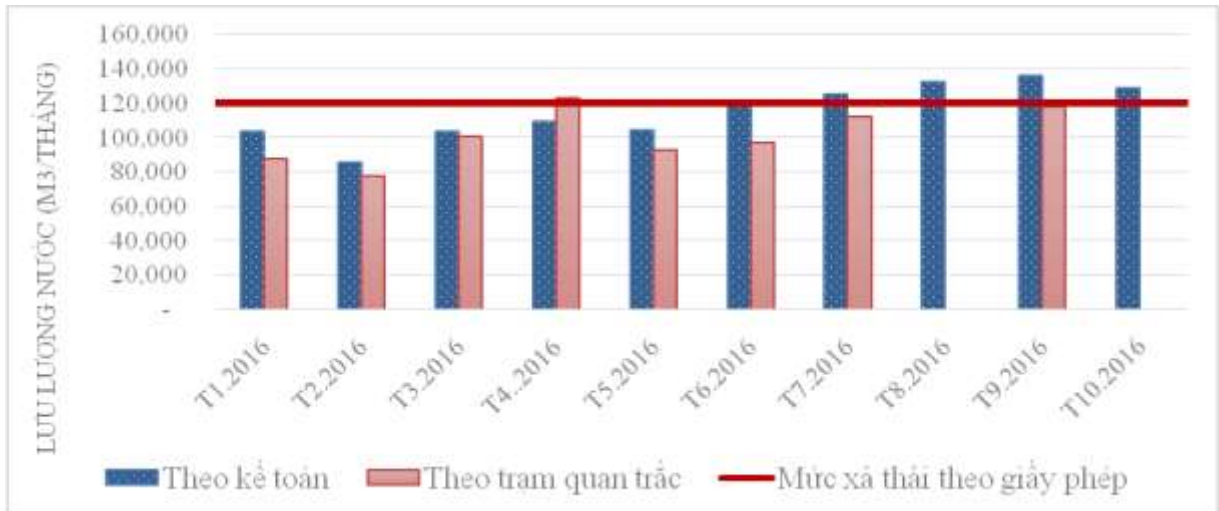
Cụ thể: Theo giấy phép được cấp, Công ty được phép xả thải vào nguồn nước với lưu lượng nước thải tối đa 4.000 m³/ngày.đêm, tuy nhiên theo số liệu của Trạm quan trắc tự động cho thấy Công ty đã xả thải vượt mức tối đa từ 1% đến 34% (tương đương khoảng 40m³/ngày.đêm đến 1353 m³/ngày.đêm). Ví dụ: ngày 27/5/2016 xả thải vượt 34%, tháng 9/2016 có 16 ngày xả vượt (trong đó 26 ngày có số liệu quan trắc tự động) với mức vượt từ 1% đến 14%.

Nếu tính theo số liệu lượng nước đầu vào do Phòng kế toán Công ty cung cấp, từ tháng 7/2016, tổng lượng nước đầu vào để xử lý của Nhà máy XLNT đã vượt so với Giấy phép xả thải, tuy nhiên Công ty chưa khẩn trương thực hiện các thủ tục liên quan để điều chỉnh giấy phép xả thải. Ngày 5/10/2016, Công ty có Công văn số 86/16/VPID đề nghị Chi cục BVMT đề xuất Sở TNMT chấp thuận cho Công ty tăng lưu lượng xả thải (lớn hơn mức cho phép là 4.000 m³/ngày.đêm nhưng vẫn nằm trong công suất 5.800 m³/ngày.đêm của 02 module) trong thời gian chờ làm thủ tục gia hạn cấp phép xả thải, tuy nhiên, đến thời điểm kết thúc kiểm toán (05/12/2016), Chi cục BVMT chưa có văn bản trả lời về vấn đề này.

Công ty không lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào là chưa đúng quy định tại Khoản 3, Điều 8 của Thông tư 35/2015/TT-BTNMT do đó việc theo dõi lượng nước thải đầu vào là không chặt chẽ, không chính xác. Ví dụ: Theo số liệu Nhà máy XLNT (tính theo công suất máy bơm), tổng lượng nước đầu vào tháng 10/2016 là 155.953m³, trong khi theo số liệu nước đầu vào do bộ phận kế toán của Công ty cung cấp (tính bằng 80% hóa đơn tiền nước của các công ty thứ cấp), tổng lượng nước tháng 10/2016 là 128.835m³, chênh lệch thấp hơn 27.118m³ không rõ nguyên nhân.

Tháng 6/2016, số liệu của trạm quan trắc tự động tính theo lưu lượng trung bình ngày/giờ x 24h x 30 ngày thì lượng nước thải là 97.143m³, trong khi số liệu nước thải của các công ty thứ cấp tính theo 80% lượng nước tiêu thụ là 119.536m³, chênh lệch 22.392m³ là khối lượng nước không chảy qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty. Mặt khác, trong tháng 04/2016, khối lượng nước thải xả ra từ Nhà máy XLNT theo số liệu đo được từ Trạm quan trắc tự động (123.144 m³) lớn hơn số liệu lượng nước thải đầu vào do kế toán cung cấp (109.339 m³), chênh lệch 13.805 m³. Do đó, tiềm ẩn rủi ro có hiện tượng các công ty không ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty CP PHTT Vĩnh Phúc nhưng vẫn xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý chung.

Biểu đồ 1: So sánh mức xả thải của Công ty hạ tầng với giấy phép xả thải



1.2. Việc tuân thủ pháp luật về xử lý nước thải của các doanh nghiệp trong KCN Khai Quang

- Qua kiểm tra hồ sơ, tài liệu trao đổi, làm việc giữa Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc với các doanh nghiệp hoạt động tại KCN Khai Quang, cho thấy nhiều doanh nghiệp trong KCN Khai Quang chưa tuân thủ quy định về xử lý nước thải như: để nước thải chưa qua xử lý tràn ra môi trường³⁴; nước thải chưa xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT³⁵ theo quy định và hợp đồng đầu nối, xử lý nước thải với Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc;

- Có 12/75 doanh nghiệp đang hoạt động không xả thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung và cũng không ký hợp đồng xả thải thông qua một công ty khác là chưa tuân thủ quy định tại Điều 9, Điều 16 của Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT.

- Qua kiểm tra thực địa tại 06 doanh nghiệp đang hoạt động trong KCN cho thấy: một số doanh nghiệp chưa có hệ thống xử lý nước thải sơ bộ, chưa đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải chung của KCN, nước thải được thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước mưa³⁶ của KCN hoặc xả trực tiếp ra môi trường (ao tù)³⁷ mà chưa qua xử lý, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường nước mặt, nước ngầm là vi phạm các quy định tại Điểm b, Khoản 1 và Khoản 4, Khoản 5, Điều 9 của Thông tư 35/2015/TT-BTNMT và Khoản 5, Điều 26 của Luật Tài nguyên nước; một số³⁸ công ty đã có hệ thống xử lý nước thải sơ bộ

³⁴ Công ty Công ty TNHH Wise Pacific; Công ty TNHH Daewoo Apparel Vina

³⁵ Công ty TNHH Vina Korea, Công ty SunHua, Công ty TNHH Diamond..

³⁶ Nước thải sinh hoạt, nước thải từ nhà ăn Công ty Thực phẩm dầu chè Sanvita; Công ty Băng ráp Yuli Việt Nam; Công ty nhựa Đạt Hòa VP.

³⁷ Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất từ Công ty CP Prime Đại An là Công ty nghiền đá, đất thành bột phục vụ cho quá trình sản xuất gạch (chi tiết Phụ lục 10/BCKT-KTMT)

³⁸ Công ty TNHH J-Tech Vina; Công ty TNHH AMO Vina.

nhưng chưa ký hợp đồng đầu nối - thu gom và xử lý nước thải với Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc là không đúng với cam kết trong báo cáo ĐTM và không tuân theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 9 của Thông tư 35/2015/TT-BTNMT.

Kết luận: Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc và một số doanh nghiệp trong KCN không tuân thủ nghiêm túc, đầy đủ quy định về xả thải, xả thải vượt lưu lượng cho phép quy định theo Giấy phép xả thải tại nhiều thời điểm trong năm 2016, một số doanh nghiệp trong KCN chưa thực hiện đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung, còn xảy ra hiện tượng nước thải chảy tràn ra môi trường.

2. Việc xây dựng và vận hành, xử lý nước thải tập trung của Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc để đảm bảo chất lượng nước thải đáp ứng yêu cầu theo quy định của chính quyền địa phương và tuân thủ ĐTM được phê duyệt.

Đến thời điểm kiểm toán, hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Khai Quang vẫn chưa được Bộ TNMT xác nhận hoàn thành các công trình BVMT theo ĐTM được phê duyệt. Việc vận hành các công trình bảo vệ môi trường - Nhà máy XLNT và cơ sở hạ tầng xử lý nước thải³⁹ khi chưa được phê duyệt hoàn thành vào sử dụng là vi phạm Điều 27 của Luật BVMT.

Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc không thực hiện đầy đủ yêu cầu quy định về đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường KCN, quản lý nước thải công nghiệp, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định tại Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT, cụ thể: Chưa đầu tư, lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với các thông số⁴⁰ quy định; chưa lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào; việc ghi nhật ký vận Nhà máy XLNT còn sơ sài, chưa đảm bảo đầy đủ nội dung⁴¹; không có biển báo tại cửa xả của hệ thống xả thải đầu ra; chưa có phương án xử lý sự cố phù hợp dẫn tới việc xử lý còn chưa hiệu quả dẫn đến từ ngày 19/08 đến ngày 31/08/ 2016 còn để nước thải chưa qua xử lý chảy tràn ra môi trường do máy bơm bùn của Module 1 bị hỏng. Từ tháng 11/2016, Công ty đã lập sổ theo dõi sự cố tại Nhà máy XLNT, tuy nhiên vẫn chưa có quy định, kế hoạch bảo dưỡng định kỳ Nhà máy XLNT.

- Không tuân thủ đầy đủ ĐTM được phê duyệt như: chưa xây dựng trạm bơm KT2 để thu gom nước thải của các doanh nghiệp tại các khu: 3 CN1, CN3, 13 CN5, CN6, 9, 10, 11, 12CN4 theo ĐTM. Ngoài ra, theo báo cáo ĐTM được

³⁹ Nhà máy XLNT đã có hồ sơ hoàn công ghi nhận theo biên bản kiểm tra ngày 14/09/2012 của Tổng cục Môi trường.

⁴⁰ Hiện nay Sở TNMT đang lắp đặt trạm quan trắc tự động để quan trắc nước thải đầu ra sau khi xử lý của Công ty, số liệu quan trắc được truyền tự động về Sở TNMT, Công ty không được thông báo về số liệu về kết quả quan trắc.

⁴¹ Chưa có các thông tin về lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, lượng bùn thải

phê duyệt, trong các hạng mục của hệ thống xử lý nước thải tập trung không có bể thủy sinh, tuy nhiên qua khảo sát hiện trường, Đoàn kiểm toán phát hiện có 01 bể thủy sinh ở vị trí bên cạnh hệ thống xử lý nước thải và gần với cửa xả nước thải sau khi đã xử lý. Đoàn kiểm toán phát hiện hệ thống thu gom nước thải chưa xử lý và hệ thống thoát nước thải đã xử lý được xây dựng gần nhau, do đó tiềm ẩn rủi ro của sự rò rỉ, thâm nhập nước thải chưa xử lý từ hệ thống thu gom sang hệ thống thoát nước thải đã xử lý; hệ thống cống thoát nước mưa không được che bằng tấm đan sắt được thiết kế theo ĐTM được phê duyệt.

- Công tác vận hành Nhà máy XLNT, Công ty chưa ban hành định mức hóa chất hay hướng dẫn sử dụng hóa chất trong công tác xử lý nước thải; trong quá trình vận hành, rất ít hoặc không thực hiện lấy mẫu xét nghiệm đối với một số thông số tối thiểu theo hướng dẫn của Quy trình kiểm tra, theo dõi vận hành Nhà máy XLNT của nhà sản xuất (tính đến thời điểm tháng 10/2016); phần lớn Nhật ký vận hành ghi chép rất hạn chế hoặc không ghi chép các thông số của các chỉ tiêu cơ bản có trong nước thải đầu vào, đầu ra. Do đó, cán bộ vận hành chủ yếu dựa vào kinh nghiệm cá nhân trong việc điều chỉnh lượng hóa chất sử dụng mà chưa dựa vào kết quả thí nghiệm, phân tích mẫu nước nhằm có cơ sở vững chắc và chính xác khi sử dụng hóa chất. Điều này có thể dẫn đến rủi ro việc sử dụng hóa chất với khối lượng không phù hợp, không đúng quy định, làm cho chất lượng nước thải đầu ra được xử lý không đạt tiêu chuẩn chất lượng nước thải theo quy định.

- Từ tháng 10/2016, Công ty mới thực hiện lập báo cáo theo dõi sử dụng hóa chất theo tuần nhằm thu thập thông tin để xây dựng định lượng sử dụng hóa chất dùng cho xử lý nước thải. Tuy nhiên, so sánh số liệu của báo cáo sử dụng hóa chất tại Nhà máy XLNT và số liệu xuất kho của bộ phận kết toán thì có sự khác biệt lớn⁴². Việc công ty không theo dõi được lưu lượng nước đầu vào, không có hướng dẫn sử dụng hóa chất để xử lý nước thải có thể là một trong các nguyên nhân dẫn đến chất lượng nước thải đã qua xử lý không đảm bảo chất lượng quy định (theo kết quả của trạm quan trắc tự động⁴³) (*xem Phụ lục 11/BCKT-KTMT*).

- Từ 21/10/2016, Công ty đã thành lập Ban giám sát, kiểm soát nước thải

⁴² Trong tháng 10, PAC 32% số xuất dùng theo báo cáo tại trạm chênh lệch thấp hơn 825 kg so với số liệu xuất dùng của phòng kế toán, Phen đơn chênh lệch thấp hơn 1800kg, kiểm chênh lệch thấp hơn 125kg, Polyme ép bùn chênh lệch cao hơn 55 kg.

⁴³ Thực tế kết quả quan trắc tự động đã cho thấy chất lượng nước thải của Công ty có nhiều thời điểm không đáp ứng được tiêu chuẩn loại A như nồng độ pH thường xuyên thấp hơn 6, từ tháng 4/2016 nồng độ TSS thường cao hơn so với quy chuẩn.

và các công tác BVMT trong KCN Khai Quang. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên có văn bản đôn đốc, nhắc nhở các doanh nghiệp thực hiện đúng cam kết về chất lượng nước thải trong hợp đồng, thành lập Đoàn tham quan và làm việc về hệ thống xử lý nước thải nội bộ của các doanh nghiệp cũng như phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền lấy mẫu, phân tích mẫu nước thải.

Kết luận: Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc đã vận hành Nhà máy XLNT tập trung khi chưa có xác nhận hoàn thành công trình BVMT; không thực hiện đầy đủ yêu cầu quy định về đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật BVMT KCN, quản lý nước thải công nghiệp, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định; chưa tuân thủ đầy đủ, thay đổi một số hạng mục so với ĐTM được phê duyệt; chưa xây dựng hướng dẫn về việc sử dụng hóa chất trong xử lý nước thải.

3. Hoạt động quan trắc, báo cáo thông tin của Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc về chất lượng nước thải cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có đảm bảo quy định của pháp luật.

- Nội dung báo cáo về công tác BVMT của Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc không phản ánh đúng kết quả lấy mẫu, phân tích chất lượng nước thải, nước ngầm của KCN Khai Quang. Cụ thể: Kết quả quan trắc giám sát môi trường năm 2015 và 06 tháng đầu năm 2016 cho thấy các chỉ tiêu chất lượng nước thải đầu ra chưa đạt tiêu chuẩn loại A QCVN 40:2011/BTNMT⁴⁴, nhưng báo cáo giám sát gửi Sở TNMT, báo cáo các chỉ số môi trường về nước thải, nước ngầm đều đạt theo tiêu chuẩn. Các văn bản, tài liệu trao đổi, làm việc giữa Công ty và các doanh nghiệp hoạt động tại KCN Khai Quang cho thấy có hiện tượng các doanh nghiệp⁴⁵ để nước thải chưa qua xử lý chảy tràn ra môi trường, tuy nhiên, Công ty không phản ánh vào báo cáo công tác bảo vệ môi trường và kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có biện pháp xử lý.

Kết luận: Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc đã thực hiện báo cáo giám sát môi trường định kỳ về công tác BVMT theo quy định. Tuy nhiên, nội dung báo cáo phản ánh không đầy đủ, không đúng về thực trạng môi trường về chất lượng nước thải đầu ra, các sự cố chảy tràn xảy ra trong KCN.

⁴⁴ Báo cáo giám sát môi trường định kỳ 06 tháng đầu năm 2015: Amoni (0,18; 0,19; 0,21 > 0,1); Tổng Coliform (4; 5; 17 > 3); TSS (40 > 30); BOD5 (40,34 > 18); COD (73,7 > 45); Amoni (5,44 > 3).

Báo cáo giám sát môi trường định kỳ về 06 tháng cuối năm 2015: TSS (30 = 30); BOD5 (17,64 < 18); COD (44,9 < 45); Amoni (2,82 < 3); Chất lượng nước ngầm: Amoni (0,65; 0,126; 0,207 > 0,1); Chất lượng nước thải công nghiệp (4,28; 6,61 > 3)

Báo cáo giám sát môi trường định kỳ 06 tháng đầu năm 2016: Chỉ tiêu về Amoni khi phân tích chất lượng nước thải công nghiệp, nước ngầm vượt tiêu chuẩn cho phép.

⁴⁵ Công ty TNHH Daewoo Apparel Việt Nam (để nước thải chảy tràn từ 14/8/2015 - 14/9/2015); Công ty TNHH Wise Pacific Apparel Việt Nam thường xuyên để tràn nước thải công nghiệp (tháng 6/2016)

4. Chất lượng nước thải KCN thải ra môi trường có đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại cột A QCVN40:2011/BTNMT.

- Năm 2015, kết quả phân tích mẫu nước do Sở TNMT thực hiện khi kiểm tra định kỳ ngày 3/4/2015 cho thấy có **05 chỉ tiêu không đạt tiêu chuẩn** QCVN 40:2011/BTNMT, bao gồm: pH = 4,3 (không thuộc khoảng 6 đến 9); BOD5 = 23,53 (>19,8); TSS = 87 (>33); Amoni = 4,604 (>3,3) và Tổng Coliform = 7.000 (>3.000).

- Báo cáo giám sát định kỳ 6 tháng đầu năm 2015 do Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc thực hiện báo cáo Sở TNMT cho thấy có **04 chỉ tiêu không đạt tiêu chuẩn** QCVN 40:2011/BTNMT, bao gồm: TSS = 42 (>30); BOD5 = 40,34 (>18); COD = 73,7 (>45); Amoni = 5,44 (>3).

- Năm 2016, kết quả báo cáo giám sát định kỳ do Công ty thực hiện và Đoàn kiểm toán đã phối hợp với đơn vị tư vấn (Trung tâm quan trắc môi trường - Tổng cục môi trường) lấy và phân tích 04 mẫu nước thải tại điểm xả thải với 04 thời điểm khác nhau/các lần lấy mẫu cách nhau 02 giờ vào ngày 25/11/2016 với 17 thông số quan trắc: Nhiệt độ, pH, BOD, COD, TSS (Tổng chất rắn lơ lửng), As, Hg, Pb, Cd, Cu, Zn, Fe, CN-, Tổng dầu mỡ, N-NH₄⁺, Cl-, Coliform cho thấy chất lượng nước thải chưa đạt tiêu chuẩn loại A QCVN 40:2011/BTNMT do **chỉ tiêu Amoni (N-NH₄⁺) đều cao hơn nhiều so với quy định (gấp 3,5 lần⁴⁶)** (xem Phụ lục 07/BCKT-KTMT).

Kết luận: Kết quả phân tích số liệu quan trắc năm 2015, 2016 và lấy mẫu tại thời điểm kiểm toán cho thấy chất lượng nước thải đầu ra sau khi xử lý của KCN Khai Quang chưa đạt tiêu chuẩn quy định loại A QCVN 40:2011/BTNMT. Nguyên nhân chất lượng nước thải công nghiệp sau khi xử lý không đạt chuẩn quy định, trước hết là do Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc không chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý và xử lý nước thải công nghiệp, tiếp theo là hiệu lực, hiệu quả của công quản lý, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường KCN, nước thải công nghiệp còn nhiều hạn chế, bất cập và kém hiệu quả.

⁴⁶ Kết quả phân tích do KTNN phối hợp với Tổng cục môi trường thực hiện (T11/2016) chỉ có 1 chỉ tiêu Amoni vượt giới hạn cho thấy nước thải công nghiệp đã được Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc xử lý với chất lượng tốt hơn so với chất lượng nước thải tại kết quả kiểm tra tháng 3/2015 của Sở TNMT, kết quả lấy mẫu 06 tháng đầu năm 2015 theo báo cáo giám sát định kỳ của Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc và kết quả lấy mẫu đối chứng trong năm 2015, 2016 của Trung tâm QTTNMT - Sở TNMT thực hiện. Cần chú ý kết quả lấy mẫu phân tích nói trên chỉ mang tính chất thời điểm, do đó chưa đủ cơ sở để đưa ra kết luận về chất lượng nước thải cho giai đoạn 2015 - 2016.

5. Chất lượng nước ngầm và nước bề mặt quanh khu công nghiệp có đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Đoàn kiểm toán phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện lấy mẫu và phân tích chất lượng nước mặt, nước ngầm (*vị trí lấy mẫu xem Phụ lục 06/BCKT-KTMT*), cụ thể :

Mẫu nước mặt : 03 mẫu nước mặt được lấy vào ngày 25/11/2016 tại các vị trí nằm trong và xung quanh KCN Khai Quang theo ĐTM với các thông số quan trắc: Nhiệt độ, pH, BOD, COD, DO, TSS, N-NH₄⁺, Cl⁻, CN⁻, As, Cd, Pb, Cu, Zn, Hg, Fe, Tổng dầu mỡ, Coliform.

Mẫu nước ngầm: 03 mẫu nước ngầm đã được lấy vào ngày 25/11/2016 tại các giếng nước khoan của các hộ dân cư trong KCN theo ĐTM với các thông số quan trắc: pH, Chỉ số Permanganate, N-NH₄⁺, Cl⁻, CN⁻, As, Cd, Pb, Cu, Zn, Hg, Fe, Coliform.

5.1. Chất lượng nước mặt tại khu vực xung quanh KCN

Kết quả lấy và phân tích mẫu nước mặt quan trắc ngày 25/11/2016 cho thấy chất lượng nước mặt tại khu vực xung quanh KCN Khai Quang đang bị ô nhiễm Amoni nặng và ô nhiễm nhẹ bởi Sắt (Fe) trong hai khu vực kênh phía trước KCN và cuối hồ điều hòa; ô nhiễm nhẹ bởi BOD₅, COD trong cả 3 khu vực lấy mẫu, cụ thể: Kết quả từ 03 mẫu nước mặt cho thấy các chỉ tiêu độ pH, BOD₅, COD, Amoni, Sắt (Fe) vượt tiêu chuẩn quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT, đặc biệt nồng độ Amoni cao hơn rất nhiều so với ngưỡng quy định (vượt 24,2 và 30,7 lần so với giá trị quy định cột A (*xem kết quả quan trắc tại Phụ lục 08/BCKT-KTMT*)).

Theo phân tích tại Báo cáo quan trắc, đánh giá chất lượng nước thải, nước mặt và nước dưới đất của Trung tâm quan trắc môi trường - Tổng cục môi trường, Amoni là một trong những yếu tố gây cản trở trong công nghệ xử lý nước cấp, làm giảm tác dụng của clo, giảm hiệu quả khử trùng nước do phản ứng với clo tạo thành monocloamin là chất sát trùng thứ cấp hiệu quả kém clo hơn 100 lần. Trong môi trường nước Amoni kết hợp với các chất vi lượng như: hợp chất hữu cơ, photpho, sắt, mangan... là “thức ăn” để vi khuẩn phát triển, gây ảnh hưởng tới chất lượng nước sau xử lý. Ngoài ra, khi nồng độ amoni trong nước cao, rất dễ sinh nitrit (NO₂), là chất sản sinh chất tiền ung thư trong cơ thể động vật. Do đó, nước mặt khu vực này không đảm bảo cho mục đích cấp nước sinh hoạt hay các mục đích tưới tiêu, thủy lợi và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

5.2. Chất lượng nước ngầm tại khu vực xung quanh KCN

Kết quả phân tích cho thấy chất lượng nước ngầm tại khu vực xung quanh KCN Khai Quang có dấu hiệu ô nhiễm vi sinh vật. Cụ thể, nồng độ Coliform trong mẫu nước lấy tại 03 giếng khoan tại các khu dân cư xung quanh KCN đều vượt quá giới hạn cho phép quy định tại QCVN 09-MT:2015/BTNMT; có một mẫu có nồng độ Amoni, một mẫu có nồng độ Sắt (Fe) trong nước cao vượt quá giá trị giới hạn này. Đáng chú ý là mẫu nước có nồng độ Amoni cao (NM_03) được lấy tại vị trí gần trạm trung chuyển nước thải của KCN, do đó có khả năng nước thải tại bể chứa rò rỉ ra khu vực xung quanh (*xem kết quả quan trắc tại Phụ lục 09/BCKT-KTMT*).

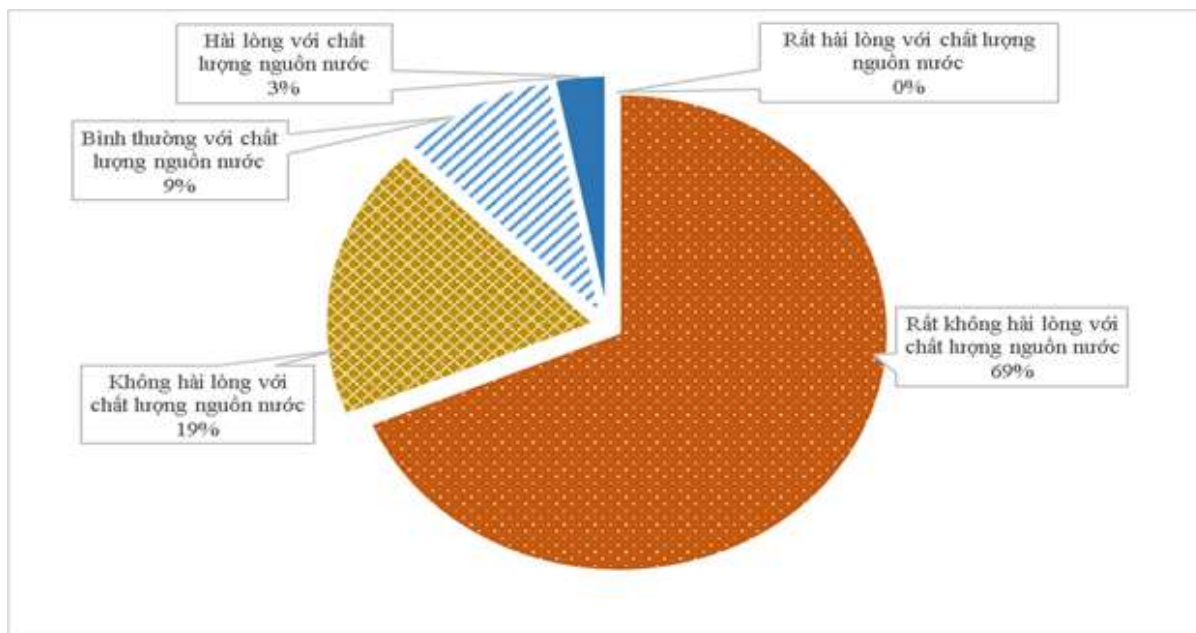
Theo phân tích tại Báo cáo quan trắc đánh giá chất lượng nước thải, nước mặt và nước dưới đất của Trung tâm quan trắc môi trường - Tổng cục môi trường, nồng độ Amoni, Coliform cao là điều đáng quan tâm vì các yếu tố này không dễ dàng loại bỏ triệt để bằng các biện pháp thông thường. Nếu người dân sử dụng nước trực tiếp không qua xử lý từ nguồn nước này trong thời gian dài có thể tích lũy các chất gây ảnh hưởng xấu tới sức khỏe.

Kết luận: Kết quả phân tích mẫu chất lượng nước mặt, nước ngầm trong KCN Khai Quang do KTNN phối hợp với Trung tâm quan trắc môi trường - Tổng cục môi trường cho thấy chất lượng nước mặt và nước ngầm không đảm bảo yêu cầu theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT và QCVN 09-MT:2015/BTNMT. Sức khỏe người dân có thể bị ảnh hưởng do quá trình tích lũy lâu dài các chất độc hại thông qua chu trình tích lũy sinh học từ nguồn nước, đến động thực vật thủy sinh, đến con người.

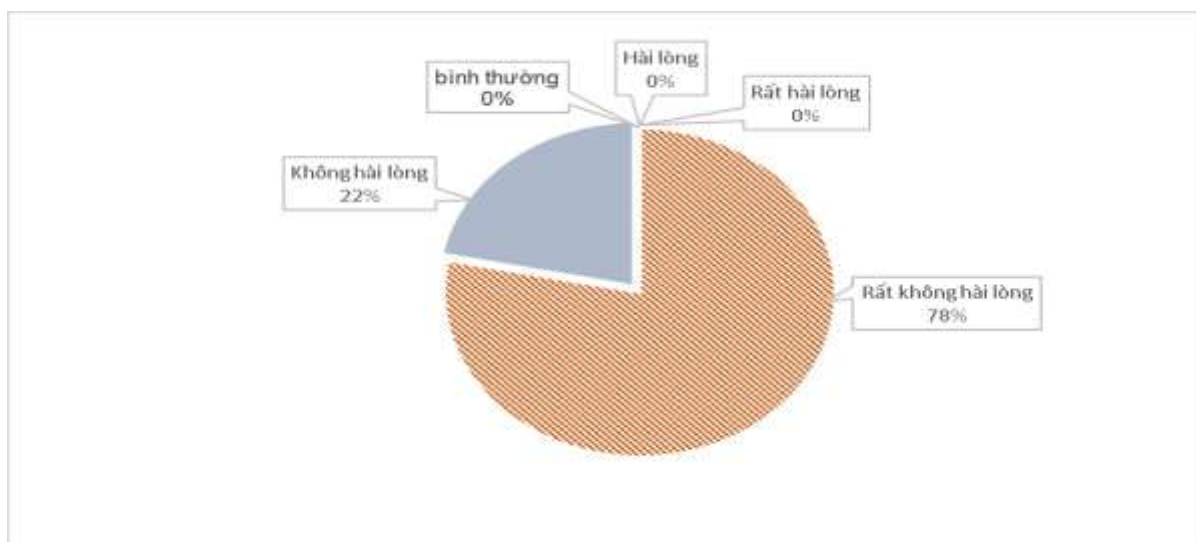
6. Mức độ hài lòng của người dân sống xung quanh KCN đối với nước thải khu công nghiệp Khai Quang xả thải ra môi trường.

Kết quả khảo sát thông qua phỏng vấn 32 hộ dân sinh sống tại thôn Vĩnh Thịnh Đông và thôn Gò Rùa nằm trong quy hoạch của KCN Khai Quang, phường Khai Quang cho thấy hầu hết người dân được phỏng vấn không hài lòng về chất lượng nước bề mặt và nước ngầm trong KCN, chất lượng nguồn nước có sự thay đổi theo chiều hướng xấu kể từ khi KCN Khai Quang đi vào hoạt động (*Biểu đồ 2,3*).

Biểu đồ 2: Đánh giá về chất lượng nước ngầm của dân cư khu Vĩnh Thịnh và Gò Rùa

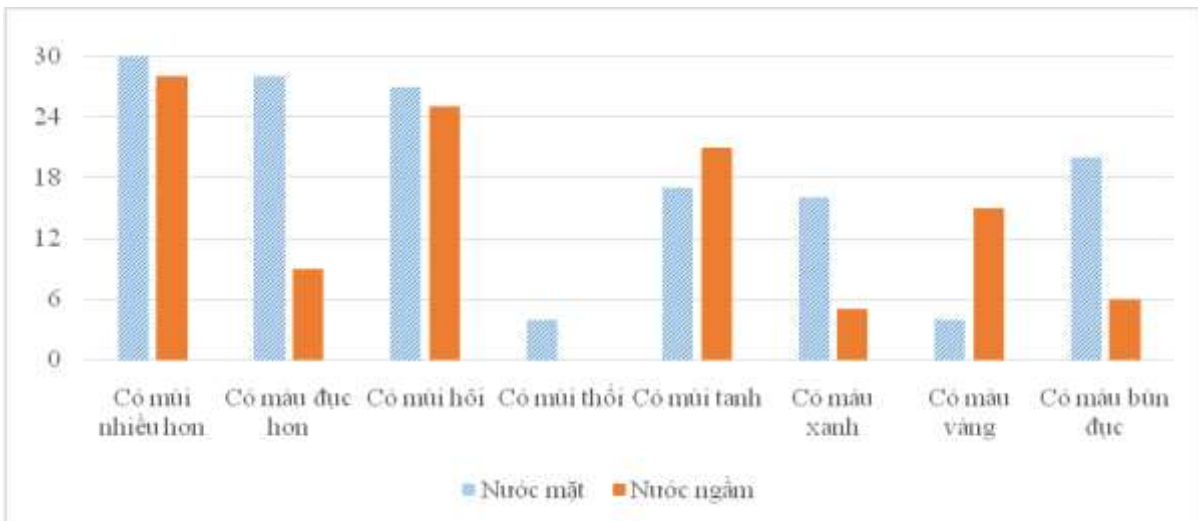


Biểu đồ 3: Đánh giá về chất lượng nước mặt của dân cư khu Vĩnh Thịnh và Gò Rùa



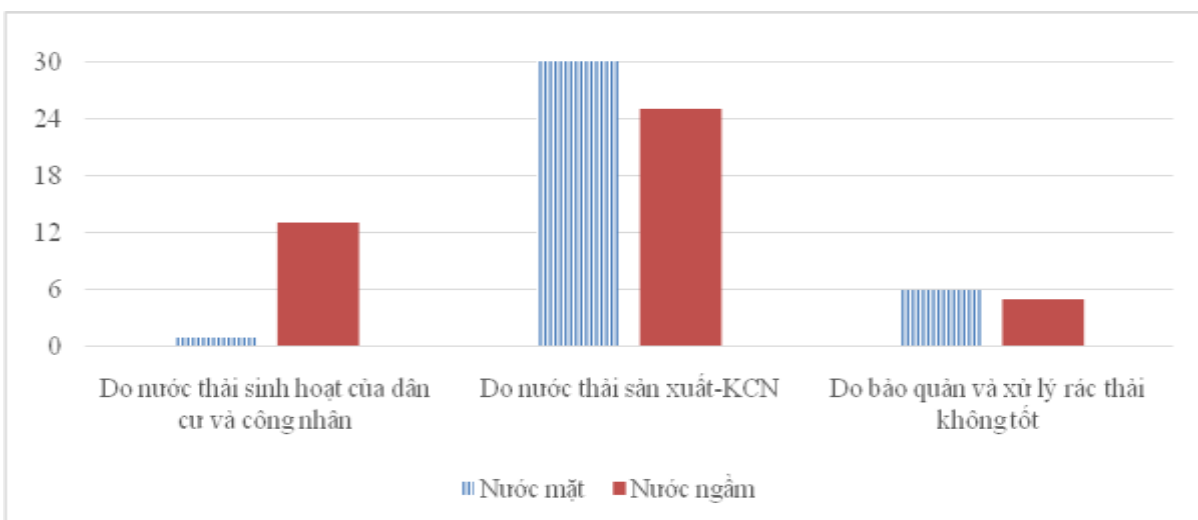
Các hộ dân được phỏng vấn cho biết nước mặt, nước ngầm có mùi hôi, tanh hơn; nước mặt xuất hiện màu đục trong khi đó nước ngầm ngả sang màu vàng hơn (Biểu đồ 4). Điều này phù hợp với kết quả quan trắc do Đoàn kiểm toán phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện cho thấy có 02 mẫu nước mặt, 01 mẫu nước ngầm xung quanh KCN Khai Quang có hiện tượng ô nhiễm sắt (Fe).

Biểu đồ 4: Ý kiến về nước mặt và nước ngầm của dân cư khu Vĩnh Thịnh và Gò Rùa



Các hộ gia đình được phỏng vấn cũng cho rằng nguyên nhân chủ yếu là do hệ thống xử lý nước thải của KCN chưa tốt dẫn đến nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt từ KCN gây ảnh hưởng đến nguồn nước mặt, nước ngầm nơi đây (Biểu đồ 5).

Biểu đồ 5: Ý kiến người dân về nguyên nhân gây ra hiện tượng có mùi và chuyển màu của nước mặt và chuyển màu của nước mặt



Các hộ gia đình được phỏng vấn kiến nghị các cơ quan chức năng cần phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm công tác BVMT nói chung và xử lý nước thải KCN nói riêng để đảm bảo công tác thu gom và xử lý nước thải đúng với quy định của pháp luật. Đối với Công ty CP PHTT Vĩnh Phúc cần xử lý nước thải tốt hơn, nạo vét kênh mương, xây dựng hệ thống thoát nước đảm bảo không có hiện tượng chảy tràn để không ảnh hưởng đến đời sống

sức khỏe của người dân. Cũng theo phản ánh của người dân trong KCN Khai Quang, có hiện tượng một số nhà máy thải trực tiếp nước thải vào hệ thống thoát nước mưa, không qua xử lý.

Kết luận nội dung kiểm toán thứ hai: Về cơ bản, KCN Khai Quang - Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc đã quan tâm nhất định đến công tác BVMT KCN, đã đầu tư, vận hành Nhà máy XLNT và giám sát đối với các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN. Tuy nhiên, kết quả kiểm toán cho thấy chất lượng nước thải công nghiệp đã xử lý xả ra môi trường không đạt tiêu chuẩn quy định loại A QCVN 40:2011/BTNMT; chất lượng nước mặt và nước ngầm không đảm bảo yêu cầu quy định theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT và QCVN 09-MT:2015/BTNMT; một số trường hợp các doanh nghiệp không tuân thủ đầy đủ quy định về đầu nối xả thải vào hệ thống nước thải tập trung. Nguyên nhân dẫn đến những sai phạm trên do Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc và một số công ty thứ cấp không chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về xử lý nước thải công nghiệp; công tác quản lý, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn về BVMT KCN chưa hiệu quả, không phát hiện và ngăn chặn triệt để các vi phạm.

PHẦN THỨ BA

KIẾN NGHỊ

1. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc

- Chân chính công tác kiểm tra, giám sát đối việc thực hiện pháp luật BVMT trong cả 3 khâu: lập kế hoạch kiểm tra, thực hiện kiểm tra và theo dõi việc thực hiện kiến nghị sau kiểm tra; tăng cường công tác phối hợp, trao đổi thông tin về kế hoạch kiểm tra, kết quả kiểm tra giám sát giữa các đơn vị trực thuộc Sở cũng như phối hợp với BQLKCN;

- Nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM), kế hoạch, đề án bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền; lựa chọn các chuyên gia đủ năng lực, chuyên môn phù hợp tham gia hội đồng thẩm định;

- Chỉ đạo Trung Tâm QTTNMT và Chi cục BVMT xây dựng cơ chế phối hợp để theo dõi và sử dụng kết quả quan trắc môi trường phục vụ công tác quản lý giám sát, cảnh báo một cách hiệu quả;

- Tăng cường công tác giám sát đối với chất lượng nước thải đầu ra của KCN Khai Quang; có biện pháp cảnh báo, xử lý kịp thời đối với KCN khi xả thải ra môi trường không đạt tiêu chuẩn quy định; phối hợp với BQLKCN, Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc rà soát các đơn vị không thực hiện đầu nối vào hệ thống

xả thải tập trung để có biện pháp xử lý, chôn chĩnh;

- Thực hiện hiệu chuẩn, bảo dưỡng định kỳ thiết bị của trạm quan trắc tự động theo quy định tại Thông tư số 23/2013/TT-BKHHCN ngày 26/9/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2;

- Phối hợp với BQLKCN tỉnh Vĩnh Phúc để tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh có biện pháp tăng cường năng lực cho BQLKCN để hướng tới việc ủy quyền cho BQLKCN thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường KCN được UBND tỉnh ủy quyền theo quy định;

- Thu hồi 02 giấy phép xả thải vào nguồn nước không đúng quy định đối với Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc và Công ty TNHH Shinwon Ebenezer, đồng thời tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đối với việc cấp 02 giấy phép xả thải được ủy quyền không đảm bảo quy định của pháp luật.

- Tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát nước thải công nghiệp tại KCN Khai Quang, đặc biệt là đối với việc quản lý và vận hành trạm quan trắc nước thải tự động không đạt hiệu quả, hiệu lực phục vụ công tác giám sát, cảnh báo và ngăn ngừa hiện tượng xả thải không đạt tiêu chuẩn ra môi trường.

2. Đối với Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc

- Tăng cường năng lực, sự tham gia với trách nhiệm cao hơn trong BVMT KCN nói chung và nước thải công nghiệp nói riêng; có giải pháp để tiến tới có thể thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và quyền hạn về quản lý môi trường khu công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật;

- Chấn chỉnh công tác kiểm tra giám sát đối với việc thực hiện pháp luật BVMT trong cả 3 khâu: lập kế hoạch kiểm tra, thực hiện kiểm tra và theo dõi việc thực hiện kiến nghị kiểm tra; tăng cường công tác phối hợp, trao đổi thông tin về kế hoạch kiểm tra, kết quả kiểm tra giám sát với Sở TNMT;

- Phối hợp với Sở TNMT trong công tác phân loại các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm cao trước khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng cơ chế phối hợp giữa BQLKCN và các đơn vị liên quan (Sở TNMT, Sở Xây dựng) theo dõi, giám sát đôn đốc các doanh nghiệp lập báo cáo ĐTM, kế hoạch, đề án BVMT sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Đối với Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc

- Khẩn trương lắp đặt, đưa vào hoạt động Trạm quan trắc tự động liên tục, đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải sau xử lý tại Nhà máy XLNT;

- Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ xác nhận hoàn thành các công trình BVMT, đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải của KCN Khai Quang gửi Bộ TNMT xem xét, phê duyệt theo quy định của pháp luật;

- Chấn chỉnh công tác vận hành Nhà máy XLNT, thực hiện xét nghiệm mẫu nước đầu vào, đầu ra; phát hiện và xử lý kịp thời các thông số vượt ngưỡng quy định để đảm bảo chất lượng nước thải sau khi xử lý thải ra môi trường đạt tiêu chuẩn loại A QCVN 40:2011/BTNMT;

- Sớm hoàn thiện hồ sơ đề nghị điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xả thải vào nguồn nước phù hợp với nhu cầu thực tế hiện nay;

- Thực hiện công tác báo cáo giám sát môi trường định kỳ về công tác bảo vệ môi trường đảm bảo đúng thực trạng và chính xác;

- Tăng cường phối hợp với Chi cục BVMT, BQLKCN trong việc giám sát các doanh nghiệp thứ cấp thực hiện thỏa thuận về xử lý nước thải;

- Chấm dứt việc tiếp nhận đầu nổi nước thải nếu các công ty thứ cấp xử lý nước thải đầu vào không đạt tiêu chuẩn loại B QCVN 40:2011/BTNMT, đồng thời thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện các doanh nghiệp thứ cấp không tuân thủ thỏa thuận về chất lượng nước thải trong hợp đồng đầu nổi đã ký kết hoặc có vi phạm về pháp luật BVMT như không xử lý nước thải đạt loại B; để nước thải chưa qua xử lý tràn ra môi trường; không thực hiện ký kết hợp đồng đầu nổi xả thải;

- Nghiên cứu xây dựng định mức (nội bộ) sử dụng hóa chất trong xử lý nước thải công nghiệp của Nhà máy XLNT.

4. Đối với UBND tỉnh Vĩnh Phúc

- Chỉ đạo Sở TNMT, BQLKCN và các Sở, ngành liên quan thực hiện nghiêm túc Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 22/4/2014 quy định về quy chế phối hợp trong việc quản lý và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, đặc biệt cơ chế phối hợp trong kiểm tra giám sát, quan trắc môi trường;

- Chỉ đạo Sở TNMT, BQLKCN và cơ quan liên quan phối hợp xử lý các doanh nghiệp/chủ đầu tư không thực hiện đúng cam kết về thực hiện đánh giá tác động môi trường, không tuân thủ yêu cầu của UBND tỉnh đối với nhà đầu tư

tại Công văn số 3305/UBND-NN5 ngày 25/5/2016;

- Chỉ đạo các đơn vị tăng cường phối hợp giữa Sở TNMT và BQLKCN, Sở Xây dựng trong việc giám sát các doanh nghiệp tuân thủ pháp luật về lĩnh vực môi trường; tăng cường chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát.

- Sớm có giải pháp tăng cường năng lực về quản lý môi trường KCN cho BQLKCN để tiến tới xem xét việc uỷ quyền cho BQLKCN thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý môi trường KCN nhằm quản lý môi trường KCN nói chung và nước thải công nghiệp nói riêng một cách trực tiếp, tập trung theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định của pháp luật;

- Chỉ đạo Sở TNMT kiểm điểm trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân đối với những hạn chế, sai sót trong công tác quản lý, giám sát, quan trắc đối với nước thải công nghiệp tại KCN Khai Quang;

- Chỉ đạo Sở TNMT tổ chức kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan đến việc cấp giấy phép xả thải không đúng quy định cho Công ty TNHH Shinwon Ebenezer Việt Nam và Công ty CP PHTT Vĩnh Phúc, đồng thời chỉ đạo Sở TNMT thu hồi hai giấy phép xả thải cấp không đúng quy định này.

5. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ xem xét trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung hoặc có hướng dẫn thực hiện Luật Đầu tư và các luật liên quan đến điều kiện kinh doanh khác để thống nhất với Luật BVMT về quy định, yêu cầu về lập báo cáo đánh giá tác động môi trường khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

- Chỉ đạo Tổng Cục Môi trường đôn đốc Công ty CP PHTT Vĩnh Phúc (có ĐTM được Bộ TNMT phê duyệt) hoàn thiện hồ sơ xác nhận hoàn thành công trình BVMT của KCN Khai Quang gửi Bộ TNMT để kiểm tra, phê duyệt; đồng thời, tổ chức kiểm tra, xác nhận công trình BVMT hoàn thành của KCN Khai Quang thuộc Công ty CP PHTT Vĩnh Phúc theo ĐTM đã phê duyệt và quy định của pháp luật khi đơn vị gửi đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo các đơn vị được kiểm toán thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của KTNN và báo cáo kết quả thực hiện về KTNN (qua Vụ Hợp tác quốc tế), địa chỉ: 111 Trần Duy Hưng - Cầu Giấy - Hà Nội trước ngày 30/6/2017.

Trong Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán cần nêu rõ: những kiến nghị đã thực hiện; kiến nghị đang thực hiện; kiến nghị chưa thực hiện; với những kiến nghị đã thực hiện cần ghi rõ tên bằng chứng, phô tô kèm theo các chứng từ, tài liệu,... để chứng minh; với kiến nghị đang thực hiện và kiến nghị chưa thực hiện phải giải thích rõ lý do.

Báo cáo kiểm toán này gồm 33 trang, từ trang 01 đến trang 33 và các phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12/BCKT-KTMT là bộ phận không tách rời của Báo cáo kiểm toán này ./.

TRƯỞNG ĐOÀN KTN

**TL.TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
VỤ TRƯỞNG VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ**

Phan Trường Giang
Số thẻ KTVNN B0032

Hà Thị Mỹ Dung

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường Vĩnh Phúc;
 2. Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc;
 3. Khu Công nghiệp Khai Quang - Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc.
-

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ BIÊN BẢN KIỂM TRA HIỆN TRƯỜNG NHỮNG DOANH NGHIỆP CHƯA KÝ HỢP
ĐỒNG THU GOM NƯỚC**

ST T	Tên doanh nghiệp	Giấy phép xả thải		Nước thải	Hệ thống xử lý nước thải sơ bộ		Kết quả quan sát thực tế
		Có	Không		Có	Không	
1	Công ty Thực phẩm dầu chè Sanvita		x	15m ³ /tháng		x	Nước thải sản xuất ít, chủ yếu là nước sinh hoạt. Hệ thống thoát nước mưa không có hố ga lắng cặn trước khi xả vào hệ thống nước mưa KCN Khai Quang
2	Công ty Băng ráp Yuli Việt Nam Các đơn vị thuê lại mặt bằng của doanh nghiệp: * Công ty xốp Trung Nguyên * Công ty phụ trợ * Công ty Phương Bắc		x	250m ³ /tháng		x	Đơn vị đang cho thuê mặt bằng nhưng không quản lý nước thải. Không có hệ thống xử lý nước thải

3	Công ty CP Prime Đại An		x	đv không cung cấp được thông tin*		x**	Nước thải sản xuất được dẫn chảy lại vào ao tù có qua bể lắng. Nước sử dụng trong quá trình sản xuất sau đó lại được bơm ngược lại từ ao vào quá trình sản xuất theo quy trình khép kín. Khi ao đầy, nước ao qua bể lắng và dẫn vào hệ thống thoát nước mặt của KCN.
4	Công ty nhựa Đạt Hòa VP		x	52m ³ /tháng		x	Đang xây dựng hệ thống xử lý nước thải sơ bộ tại thời điểm được kiểm toán. Nước thải sau khi xử lý sẽ được đầu nối vào hệ thống thoát nước mặt của KCN.
5	Công ty TNHH J-Tech Vina		x	290.4m ³ /tháng	Công suất 40m ³ /ngày đêm với 7 bể xử lý		Đã có hệ thống xử lý nước thải sơ bộ đầy đủ và đầu nối với hệ thống xử lý nước thải của KCN. Tuy nhiên chưa có hợp đồng xử lý tại thời điểm kiểm toán.
6	Công ty TNHH AMO Vina		x	240m ³ /tháng	Hệ thống với 6 bể xử lý		Đã có hệ thống xử lý nước thải sơ bộ đầy đủ và đầu nối với hệ thống xử lý nước thải của KCN. Tuy nhiên chưa có hợp đồng xử lý tại thời điểm kiểm toán.

Ghi chú:

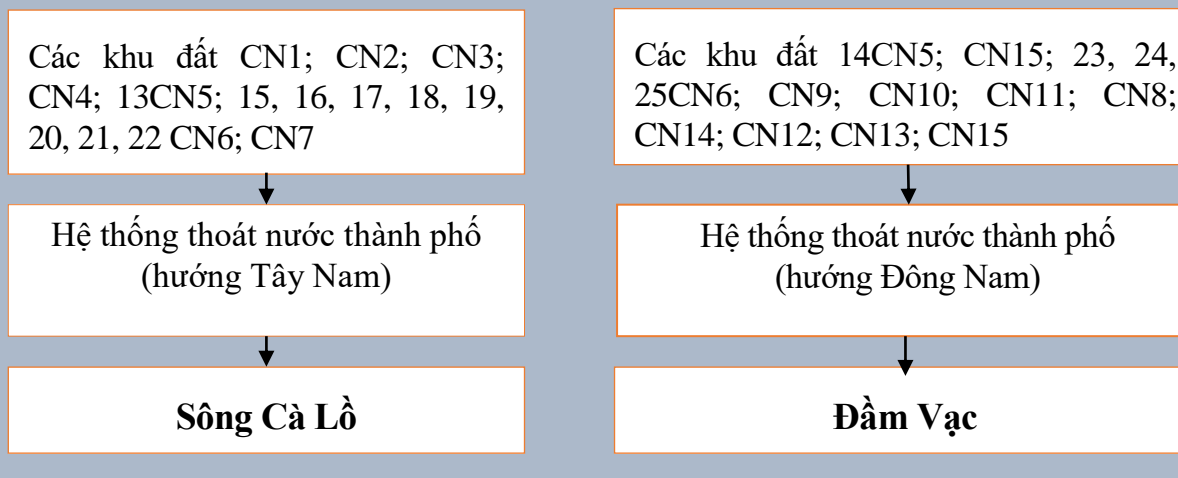
* Đơn vị không cung cấp được lượng nước thải do sử dụng hệ thống bơm tuần hoàn từ ao tù lên quá trình sản xuất sau đó lại chảy theo hệ thống rãnh nước xuống ao tù.

** Đơn vị cung cấp có 02 bể lắng với thể tích 2m³, nhưng trên thực tế chỉ là hố đào sâu hơn trên hệ thống rãnh nước.

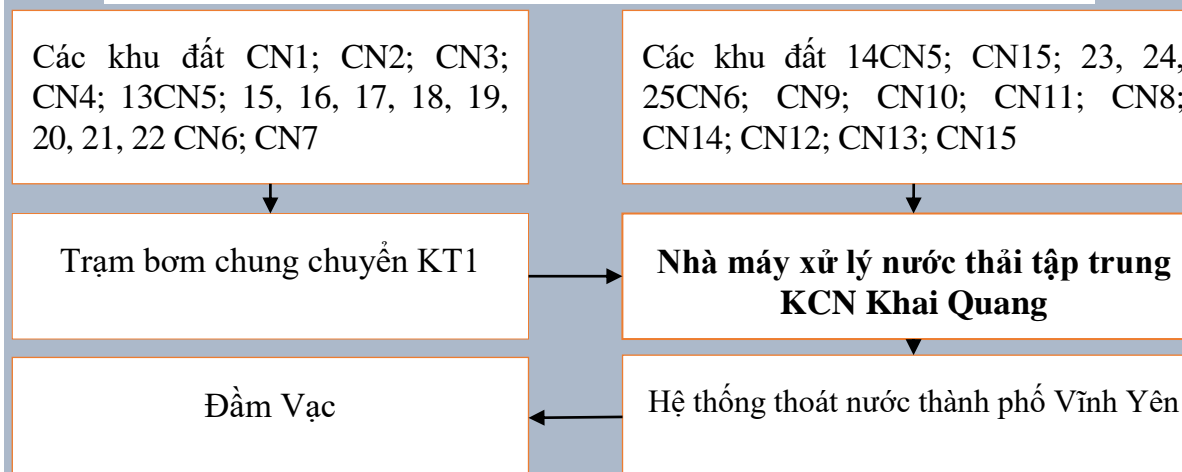
Bản đồ quy hoạch khu công nghiệp Khai Quang



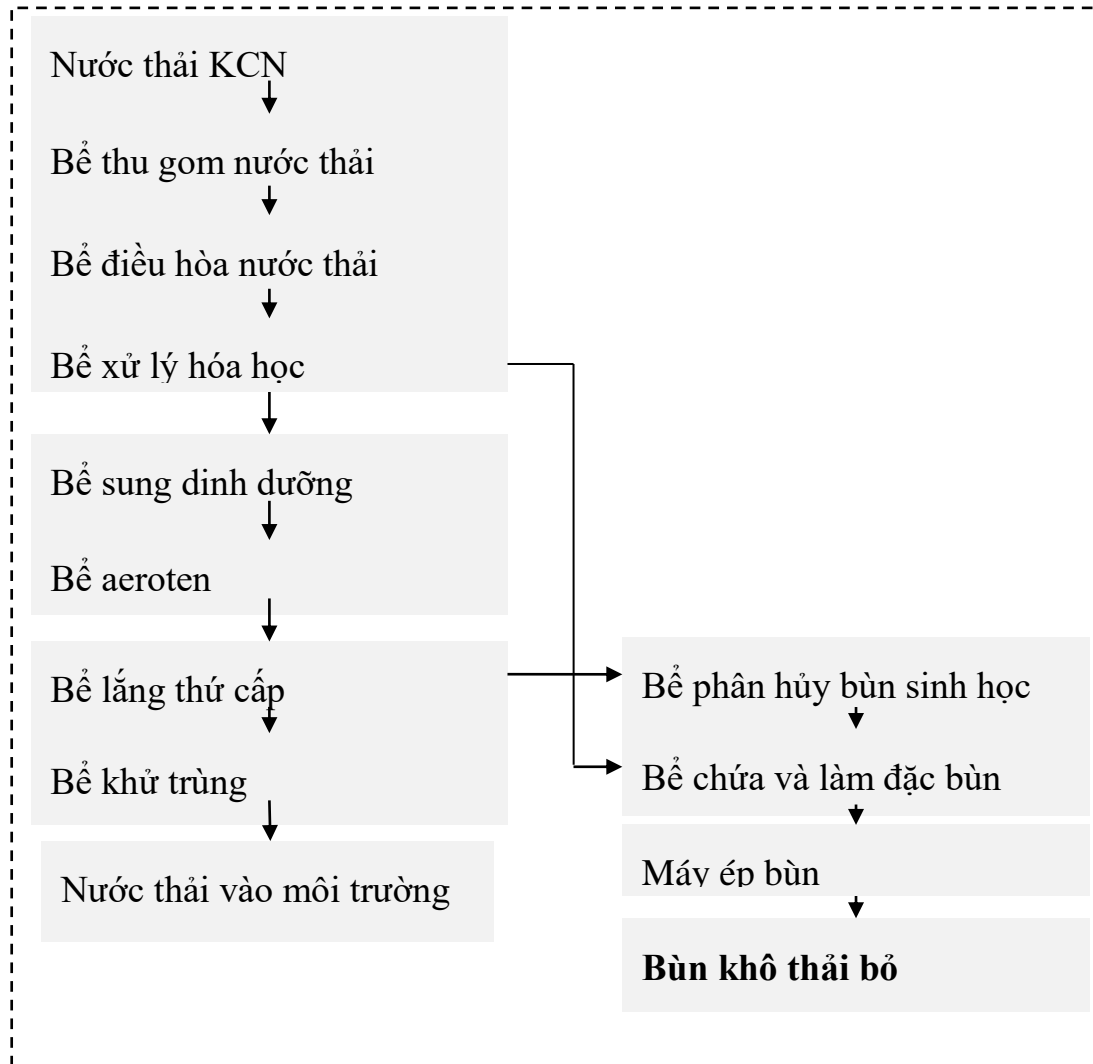
Sơ đồ 1: Hệ thống thoát nước mưa KCN Khai Quang



Sơ đồ 2: Hệ thống thu gom nước thải KCN Khai Quang



Sơ đồ 3: Quy trình xử lý nước thải KCN Khai Quang



DANH SÁCH CÁC DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TẠI KCN KHAI QUANG

Tổng số: 81 Doanh nghiệp (Trừ Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc)

STT	Các Doanh nghiệp đã ký hợp đồng thu gom, xử lý nước thải với Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc	Ghi chú
1	Công ty TNHH CN Chính xác VN1	
2	Công ty TNHH CN Hsieh Yuan Việt Nam	Thuê xưởng Công ty VPIC
3	Công ty TNHH Xe Buýt Daewoo Việt Nam	
4	Công ty TNHH Vina Korea	
5	Công ty HHCN Lâm Viên Vĩnh Phúc	
6	Công ty TNHH CN Toyo Taki Việt Nam	
7	Công ty TNHH Jahwa Vina	
8	Công ty TNHH Partron Vina	
9	Công ty TNHH HJC Vina	
10	Công ty TNHH Dea Hung	Thuê xưởng Công ty HJC
11	Công ty TNHH Haesung Vina	
12	Công ty TNHH UJU Vina	
13	Công ty TNHH Sindoh Vina	
14	Công ty TNHH Cấp điện SH Vina	

15	Công ty TNHH CN Strong Way VP	
16	Công ty TNHH K.Source Hà Nội VN	
17	Công ty TNHH Power Logics Vina	
18	Công ty TNHH Wise Pacific Apparel Việt Nam	
19	Công ty HHCN Sun Hua	
20	Công ty TNHH Meisei Việt Nam	
21	Công ty TNHH CN Diamond	
22	Công ty TNHH Nanotech Vina	
23	Công ty TNHH CN Haohsing Việt Nam	
24	Công ty TNHH CN Toàn Hưng	
25	Công ty TNHH công nghiệp Dezen	
26	Công ty TNHH Jeongsan STC Vina	
27	Công ty TNHH sản xuất sơn Phoenix Hà Nội VN	
28	Công ty TNHH BH Flex Vina	
29	Công ty TNHH Tissue Linh An	
30	Công ty TNHH Hirota Precision Việt Nam	
31	Công ty TNHH Midori Apparel Việt Nam	
32	Công ty CP Công Nghệ Lavitec	
33	Công ty TNHH Jin Sung Việt Nam	
34	Công ty TNHH CN KYB Việt Nam	
35	Công ty HHCN GeoGear Vĩnh Phúc	
36	Công ty TNHH DKT Vina	
37	Công ty TNHH Vina KumYang	
38	Công ty TNHH TB Đo Lường Điện tử THK VN	
39	Công ty TNHH Công Nghiệp GHS	

40	Công ty TNHH CN Thanh Phúc	
41	Công ty cổ phần Thanh Phúc	
42	Công ty TNHH Eun Sun Vina	
43	Công ty TNHH Mỹ Phẩm Marado	Thuê xưởng Cty CP Thanh Phúc
44	Công ty TNHH MTV Thiện Mỹ Vĩnh Phúc	
45	Công ty TNHH công nghệ Cosmos	
46	Công ty TNHH Kỹ thuật Okamoto Việt Nam	Thuê xưởng Công ty Vĩnh Sơn
47	Công ty TNHH KD Heat Technology Việt Nam	Thuê xưởng Công ty Vĩnh Sơn đã chuyển về Thái Nguyên từ tháng 5/2016
48	Công ty TNHH Seoul Print Vina	Thuê xưởng Công ty Vĩnh Sơn
49	Công ty TNHH Việt E-Bike	Thuê xưởng Công ty Vĩnh Sơn
STT	Các doanh nghiệp xả thải vào hệ thống nước thải tập trung của KCN nhưng chưa ký hợp đồng đầu nối trực tiếp với Công ty CP PTHT mà thông qua một công ty khác có hợp đồng nối với Công ty CP PTHT	Ghi chú
1	Công ty TNHH EXEDY Việt Nam	Thuê nhà xưởng của Công ty CN chính xác VN1
2	Công ty TNHH khuôn đúc áp lực Hamataki	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH CN Toyo Taki Việt Nam
3	Công ty TNHH MTV Hongjin Vina	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH HJC Vina
4	DỰ ÁN IN ÁN DAE YOU DECAL VINA/Công ty TNHH Dae You Decal Vina	Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH HJC Vina
5	Công ty TNHH Công nghiệp Smart	Thuê nhà xưởng của Công ty CN Strong Way VP
6	Công ty HHCN Rèn dập Việt Sheng	Hóa đơn nước thải xuất chung với Sun Hua
7	Công ty TNHH Sup Vina	Thuê nhà xưởng của Công ty BH Flex Vina

8	Công ty TNHH Dong Woo Vina	Thuê nhà xưởng của Công ty BH Flex Vina
9	Công ty TNHH CH Flex Vina	Thuê nhà xưởng của Công ty BH Flex Vina
10	Công ty TNHH Nuritech Vina	Thuê nhà xưởng của Công ty BH Flex Vina
11	Công ty TNHH ORCHEM Vina	Thuê nhà xưởng của Công ty BH Flex Vina
STT	Các Doanh nghiệp có hệ thống xử lý nước thải riêng theo giấy phép xả thải (Công ty THNN Shinwon Ebenezer)	Ghi chú
1	Công ty TNHH Shinwon Ebenezer Việt Nam	
2	Công ty TNHH Thêu Sehwa VN	
3	Công ty TNHH Bangsun Việt Nam	
STT	Các Doanh nghiệp đang hoạt động nhưng chưa ký hợp đồng thu gom, xử lý nước thải tập trung với Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Prime Đại An	
2	Công ty TNHH Nhựa Đạt Hoà VP	
3	Công ty TNHH Băng Ráp Yuli Việt Nam	
4	Công ty TNHH Vạn Thông	Thuê nhà xưởng của Công ty Băng Ráp Yuli Việt Nam
5	Công ty TNHH Xốp đóng gói Trung Nguyên	Thuê nhà xưởng của Công ty Băng Ráp Yuli Việt Nam
6	Công ty CP XD và TM Vĩnh Sơn	
7	Công ty CP XD và TM Vĩnh Sơn	Thuê văn phòng Cty Hạ tầng; Về pháp nhân là một, nhưng khác dự án và ngành nghề kinh doanh
8	Dự án Gia công đồ gá JIG (Sungjin Vina)	Thuê nhà xưởng của Công ty CP XD và TM Vĩnh Sơn
9	Công ty TNHH TWO-KENG VINA	Thuê nhà xưởng của Công ty CP XD và TM Vĩnh Sơn
10	Công ty TNHH Thực phẩm dầu chè Sanvita	
11	Công ty TNHH AMO Vina	

12	Công ty TNHH J-Tech Vina	
STT	Các Doanh nghiệp chưa đi vào hoạt động chính thức	Ghi chú
1	Công ty TNHH JinYoung HNS Vina	Đang xây dựng
2	NHÀ MÁY AHYUNTECH VINA TẠI VIỆT NAM/Công ty TNHH Ahyuntech Vina	Đang xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị chưa đấu nối
3	DỰ ÁN NHÀ MÁY GSR VINA	Đang xây dựng chưa đấu nối
4	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP CHÍNH XÁC TAI TECH Mã số DN 2500554923 ngày 01/12/2015/NHÀ MÁY CÔNG NGHIỆP CHÍNH XÁC TAI TECH TẠI VIỆT NAM	Dự án chưa triển khai
5	NHÀ MÁY AHYUNTECH VINA TẠI VIỆT NAM/Công ty TNHH Ahyuntech Vina	Đang xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị chưa đấu nối
6	DỰ ÁN NHÀ MÁY GSR VINA	Đang xây dựng chưa đấu nối

Bảng 1: Thông tin các mẫu nước thu thập

STT	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu	Tọa độ	Vị trí lấy mẫu
1	NT-1	Nước thải (25/11/2016)	105°38'2.59"Đ 21°17'50.44"B	Cống xả nước thải Trong khu xử lý nước thải của KCN
2	NT-2			
3	NT-3			
4	NT-4			
5	NN-1	Nước ngầm (25/11/2016)	105°38'4.41"Đ 21°17'47.96"B	Nhà dân cạnh nhà máy xử lý nước thải
6	NN-2		105°37'53.58"Đ 21°18'0.81"B	Khu dân cư Gò Rùa
7	NN-3		105°38'3.43"Đ 21°18'21.54"B	Gần trạm trung chuyển nước thải
8	NM-1	Nước mặt (25/11/2016)	105°38'5.29"Đ 21°17'50.47"B	Đầu hồ điều hòa
9	NM-2		105°38'9.00"Đ 21°18'0.24"B	Cuối hồ điều hòa
10	NM-3		105°37'58.86"Đ 21°17'48.01"B	Trước công nhà máy xử lý nước thải

Sơ đồ vị trí lấy mẫu nước tại KCN và khu vực xung quanh



Bảng 2: Kết quả phân tích các mẫu nước thải tại KCN Khai Quang

STT	Thông số	Đơn vị	NT_01	NT_02	NT_03	NT_04	QCVN40:2011/ BTNMT	
							A	B
1	Nhiệt độ	oC	26,3	26,2	26,15	26,1	40	40
2	pH	-	6,55	6,19	6,15	6,31	6-9	5,5-9
3	BOD5	mg/L	12	13	10	10	30	50
4	COD	mg/L	21	29	21	24	75	150
5	TSS	mg/L	<15	<15	<15	<15	50	100
6	N - NH ₄ ⁺	mg/L	18,72	17,86	17,57	17,54	5	10
7	Cl ⁻	mg/L	259,4	262,7	269,3	262,7	500	1000
8	CN ⁻	mg/L	<0,003	<0,003	0,004	<0,003	0,07	0,1
9	As	mg/L	<0,005	<0,005	<0,005	<0,005	0,05	0,1
10	Cd	mg/L	<0,002	<0,002	<0,002	<0,002	0,05	0,1
11	Pb	mg/L	0,002	0,002	<0,002	<0,002	0,1	0,5
12	Cu	mg/L	0,18	0,18	0,29	0,29	2	2
13	Zn	mg/L	0,42	0,30	0,32	0,33	3	3
14	Hg	mg/L	0,0002	0,0003	0,0002	0,0006	0,005	0,01
15	Fe	mg/L	<0,20	<0,20	<0,20	<0,20	1	5
16	Coliform	MPN/ 100ml	240	360	360	210	3000	5000
17	Tổng dầu, mỡ (1)	mg/L	<0,9	<0,9	<0,9	<0,9	5	10

(1): Giá trị quy định theo QCVN40:2011/BTNMT là Tổng dầu mỡ khoáng.

Bảng 3: Kết quả phân tích các mẫu nước mặt tại khu vực xung quanh KCN

STT	Thông số	Đơn vị	NM_01	NM_02	NM_03	QCVN08-MT:2015/ BTNMT			
						A1	A2	B1	B2
1	Nhiệt độ	oC	25,8	25,3	25,9	-	-	-	-
2	pH	-	6,71	5,10	6,26	6-8,5	6-8,5	5,5-9	5,5-9
3	BOD5	mg/L	9	11	12	4	6	15	25
4	COD	mg/L	17	25	26	10	15	30	50
5	TSS	mg/L	<15	15	20	20	30	50	100
6	N - NH ₄ ⁺	mg/L	0,10	7,26	9,21	0,3	0,3	0,9	0,9
7	Cl ⁻	mg/L	39,8	183,4	163,6	250	350	350	-
8	CN ⁻	mg/L	<0,003	0,009	<0,003	0,05	0,05	0,05	0,05
9	As	mg/L	<0,005	<0,005	<0,005	0,01	0,02	0,05	0,1
10	Cd	mg/L	<0,002	<0,002	<0,002	0,005	0,005	0,01	0,01
11	Pb	mg/L	0,003	<0,002	0,003	0,02	0,02	0,05	0,05
12	Cu	mg/L	<0,10	0,10	<0,10	0,1	0,2	0,5	1
13	Zn	mg/L	<0,10	0,26	0,24	0,5	1,0	1,5	2
14	Hg	mg/L	0,0003	0,0002	0,0004	0,001	0,001	0,001	0,002
15	Fe	mg/L	1,00	0,20	0,70	0,5	1	1,5	2
16	Tổng dầu, mỡ	mg/L	<0,9	<0,9	<0,9	0,3	0,5	1	1
17	Coliform	MPN/100ml	23	23	23	2500	5000	7500	10000

Ghi chú:

- Việc phân hạng A1, A2, B1, B2 đối với các nguồn nước mặt nhằm đánh giá và kiểm soát chất lượng nước, phục vụ cho các mục đích sử dụng nước khác nhau, được sắp xếp theo mức chất lượng giảm dần.

- Cột A1 - Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1 và B2.

- Cột A2 - Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các mục đích sử dụng như loại B1 và B2.

- Cột B1 - Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

- Cột B2 - Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

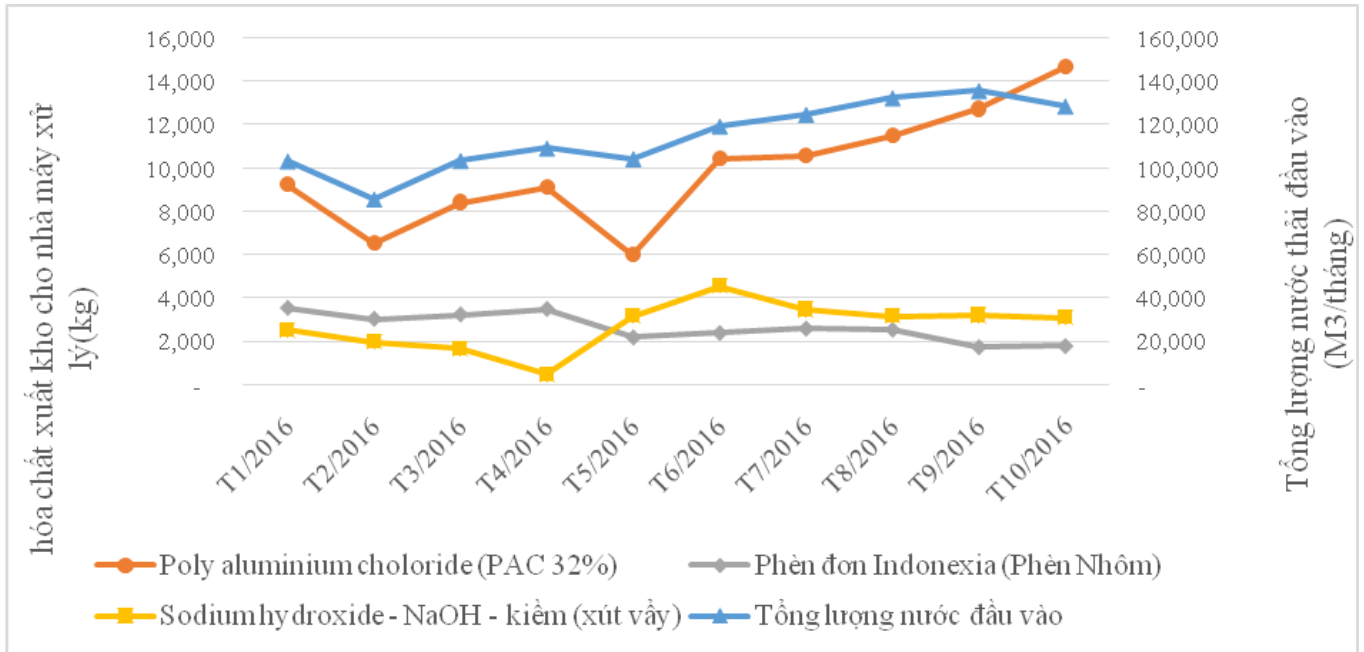
Bảng 2: Kết quả phân tích các mẫu nước ngầm tại khu vực xung quanh KCN

STT	Thông số	Đơn vị	NN_01	NN_02	NN_03	QCVN 09-MT: 2015/ BTNMT
1	pH	-	7,14	6,63	7,09	5,5-8,5
2	Chỉ số permanganate	mg/L	1,28	0,2	2,08	4
3	N - NH ₄ ⁺	mg/L	0,10	0,10	5,52	1
4	Cl ⁻	mg/L	<6,0	7,9	37,0	250
5	CN ⁻	mg/L	<0,003	<0,003	0,01	0,01
6	As	mg/L	<0,005	<0,005	<0,005	0,05
7	Cd	mg/L	<0,002	<0,002	<0,002	0,005
8	Pb	mg/L	0,002	0,01	<0,002	0,01
9	Cu	mg/L	<0,10	<0,10	<0,10	1
10	Zn	mg/L	0,10	0,11	<0,10	3
11	Hg	mg/L	0,0002	0,0004	0,0002	0,001
12	Fe	mg/L	9,34	0,20	<0,20	5
13	Coliform	MPN/100ml	9	6	9	3

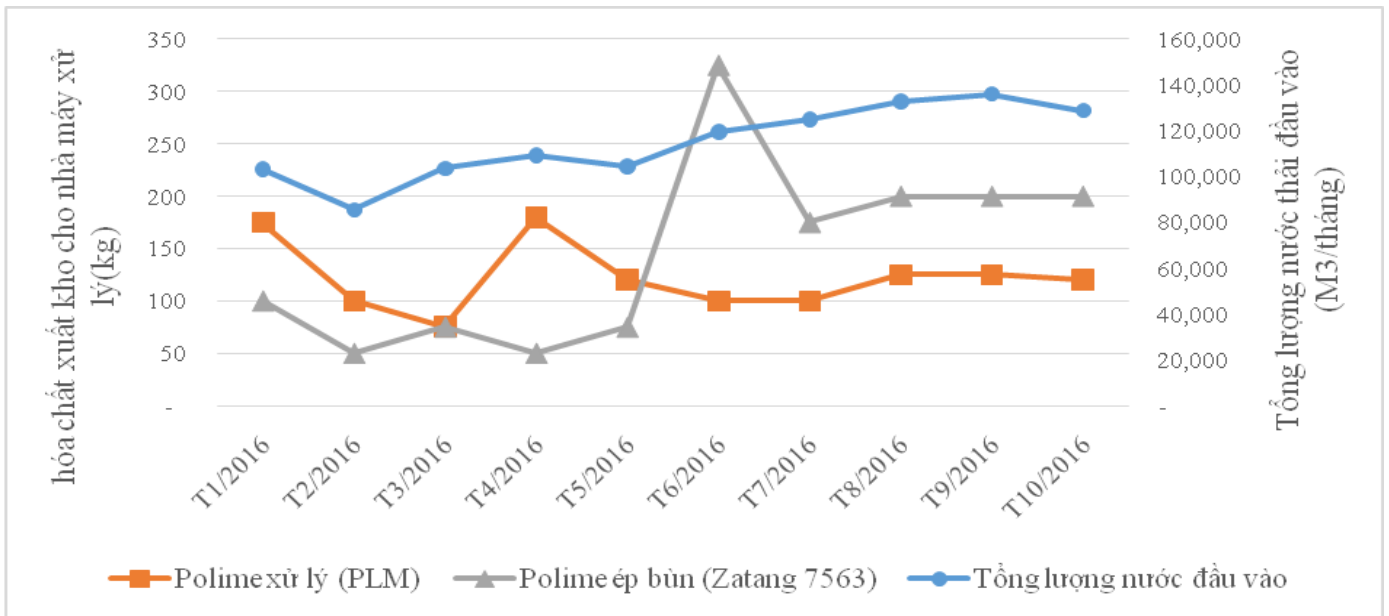
Ao tù chứa nước thải của Công ty Prime Đại An



Biểu đồ 1: Tương quan tổng lượng nước đầu vào và khối lượng hóa chất xuất kho cho nhà máy xử lý tập trung KCN Khai Quang (PAC 32% - Phèn đơn - Kiềm)



Biểu đồ 2: Tương quan tổng lượng nước đầu vào và khối lượng hóa chất xuất kho cho nhà máy xử lý tập trung KCN Khai Quang (PLM - Zatang 7563)



ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ KIỂM TOÁN

Tiêu chí kiểm toán	Đạt	Đạt một phần	Không đạt
Tiêu chí 1 (Nội dung kiểm toán thứ nhất): Công tác thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM, kế hoạch bảo vệ môi trường, cấp phép xả thải của Sở TNMT và công tác cấp phép đầu tư cho các doanh nghiệp trong KCN Khai Quang của BQLKCN có đảm bảo theo quy định của pháp luật.		X	
Tiêu chí 2 (Nội dung kiểm toán thứ nhất): Công tác kiểm tra, giám sát, quan trắc của các cơ quan quản lý nhà nước và công tác ban hành văn bản, quy định... để đảm bảo các doanh nghiệp tuân thủ pháp luật về xử lý nước thải KCN		X	
Tiêu chí 3 (Nội dung kiểm toán thứ nhất): Sự phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn trong việc quản lý hoạt động xử lý nước thải tại KCN Khai Quang		X	
Tiêu chí 1 (Nội dung kiểm toán thứ hai): Đánh giá việc tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp trong KCN, Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc		X	
Tiêu chí 2 (Nội dung kiểm toán thứ hai): Việc xây dựng và vận hành, xử lý nước thải tập trung của Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc để đảm bảo chất lượng nước thải đáp ứng yêu cầu theo quy định của chính quyền địa phương và tuân thủ ĐTM được phê duyệt.		X	
Tiêu chí 3 (Nội dung kiểm toán thứ hai): Hoạt động quan trắc, báo cáo thông tin của Công ty CP PTHT Vĩnh Phúc về chất lượng nước thải cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có đảm bảo quy định của pháp luật.		X	
Tiêu chí 4 (Nội dung kiểm toán thứ hai): Chất lượng nước thải KCN thải ra môi trường loại có đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại cột A QCVN40:2011/BTNMT.		X	
Tiêu chí 5 (Nội dung kiểm toán thứ hai): Chất lượng nước ngầm và nước bề mặt quanh khu công nghiệp có đảm bảo theo quy định của pháp luật.		X	
Tiêu chí 6 (Nội dung kiểm toán thứ hai): Mức độ hài lòng của người dân sống xung quanh khu công nghiệp quan đối với nước thải khu công nghiệp Khai Quang xả thải ra môi trường		X	

Ghi chú: Đánh dấu (x) vào ô tương ứng (Đạt; Đạt một phần; Không đạt)

